

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THU HÚT
VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI FDI Ở TỈNH BẮC NINH
HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

MÃ SỐ: 13.01.24.I.15

**Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Chủ nhiệm đề tài: Vũ Thị Kim Oanh**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THU HÚT
VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI FDI Ở TỈNH BẮC NINH
HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MÃ SỐ: 13.01.24.I.15

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Kim Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI ở tỉnh Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững.
- Mã số: 13.01.24.I.15
- Chủ nhiệm đề tài: Ths Vũ Thị Kim Oanh
- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội
- Thời gian thực hiện: Tháng 01 đến tháng 11 năm 2024

2. Mục tiêu:

- Đề tài tập trung nghiên cứu những lý luận cơ bản về đầu tư trực tiếp nước ngoài để phân tích và đánh giá thực trạng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Bắc Ninh từ năm 2015 đến nay. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

3. Tính mới và sáng tạo: Đề tài có tính lý luận và thực tiễn cao. Thu hút nguồn vốn FDI góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân...

4. Kết quả nghiên cứu: Đề tài chỉ ra được tầm quan trọng của việc thu hút nguồn vốn FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, góp phần làm rõ thêm lý thuyết về thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững.

5. Sản phẩm: Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài

Một bài báo đăng trên tạp chí Tài chính, số kỳ 2 tháng 9 năm 2024: “*Tăng cường hiệu quả thu hút FDI vào Việt Nam*”

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Sản phẩm được chuyển giao cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Sản phẩm phục vụ thiết thực trong công tác nghiên cứu và giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán của các trường đại học, cao đẳng.

- Sản phẩm là tài liệu phục vụ các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, chính quyền địa phương...thu hút nguồn vốn FDI đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng tới phát triển bền vững.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Project title: Research the current situation and propose solutions to attract foreign direct investment (FDI) in Bac Ninh province towards sustainable development.
- Code number: 13.01.24.I.15
- Coordinator: Vu Thi Kim Oanh
- Implementing institution: Hanoi University of Natural Resources and Environment
- Duration: January to November 2024

2. Objective(s):

- The topic focuses on researching basic theories of foreign direct investment to analyze and evaluate the current situation of foreign direct investment capital flows in Bac Ninh province from 2015 to present. On that basis, the author proposes main solutions to attract foreign direct investment flows into Bac Ninh towards sustainable development in the coming time.

3. Creativeness and innovativeness:

- The topic is highly theoretical and practical. Attracting FDI capital contributes to socio-economic development, solving employment problems, increasing income, improving people's lives...

4. Research results:

- The topic points out the importance of attracting FDI capital for local socio-economic development. Therefore, the topic has high theoretical and practical significance, contributing to clarifying the theory of FDI attraction in Bac Ninh towards sustainable development.

5. Products:

- Report on research results of the topic
- An Article published in Finance magazine, issue 2, September 2024: *“Enhancing the effectiveness of attracting FDI to Vietnam”*

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

- The product was transferred to Hanoi University of Natural Resources and Environment. The product serves practically in research and teaching for students majoring in economics, business administration, and accounting at universities and colleges.

- The product is a document serving researchers, policy makers, local authorities... to provide solutions to attract FDI capital to accelerate the process of industrialization and modernization towards sustainable development.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	4
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	4
1.2. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu.....	12
CHƯƠNG 2: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU..	14
2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	14
2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	14
2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng.....	14
2.4. Những đóng góp của đề tài.....	15
2.5. Kết cấu của đề tài.....	16
CHƯƠNG 3: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI).....	17
3.1. Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).....	17
3.1.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về tư bản và đầu tư tư bản.....	17
3.1.2. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).....	20
3.1.2.1. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).....	20
3.2. Cơ sở thực tiễn về thu hút vốn FDI của một số địa phương.....	32
3.2.1. Kinh nghiệm thu hút vốn FDI của Bình Dương.....	32
3.2.2. Kinh nghiệm thu hút vốn FDI của Hải Dương.....	34
3.2.3. Bài học kinh nghiệm cho Bắc Ninh trong thu hút vốn FDI.....	36
CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO TỈNH BẮC NINH.....	38
4.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI.....	38
4.1.1. Bối cảnh quốc tế.....	38
4.1.2. Bối cảnh trong nước.....	39
4.1.3. Bối cảnh kinh tế - xã hội của Bắc Ninh.....	41
4.2. Thực trạng thu hút vốn FDI tại tỉnh Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2023.....	43
4.2.1. Về số lượng các dự án đầu tư FDI.....	44

4.3. Đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh.....	50
4.3.1. Những kết quả đạt được.....	50
4.3.2. Một số tồn tại trong thu hút vốn FDI ở tỉnh Bắc Ninh và nguyên nhân.....	53
4.3.2.1. <i>Những tồn tại</i>	53
4.3.2.2. <i>Nguyên nhân của những tồn tại</i>	56
CHƯƠNG 5: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO TỈNH BẮC NINH HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	59
5.1. Quan điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Bắc Ninh.....	59
5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI vào Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững.....	61
5.2.1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính.....	61
5.2.2. Đẩy mạnh thu hút FDI theo định hướng sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.....	62
5.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	63
5.2.4. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư.....	64
5.2.5. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ sau cấp phép đầu tư.....	65
5.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài tại các Khu công nghiệp.....	66
5.2.7. <i>Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường</i>	67
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
1	DN		Doanh nghiệp
2	KCN		Khu công nghiệp
3	Nxb		Nhà xuất bản
4	UBND		Ủy ban nhân dân
5	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới
6	FDI	Foreign Direct Investment	Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
7	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ quốc tế
8	OECD	Organization for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
9	UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc
10	IUCN	International Union for Conservation of Nature and Natural Resources	Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế
11	WCED	World Commission on Environment and Development	Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới
12	ADB	The Asian Development Bank	Tổ chức Ngân hàng phát triển Châu Á

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 4.1: Bảng thống kê số dự án FDI cấp mới ở Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2023.....	41
Bảng 4.2: Bảng thống kê tổng vốn FDI đăng ký, vốn FDI thực hiện tại Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2023.....	43
Bảng 4.3: Số lao động làm việc tại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.....	48

MỞ ĐẦU

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang ngày càng trở nên quan trọng với Việt Nam trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. FDI không chỉ là nguồn cung cấp vốn quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà còn là con đường chuyển giao công nghệ, thúc đẩy cải tiến sản xuất, đổi mới sáng tạo. FDI cung cấp những bí quyết kỹ thuật đặc biệt, những kinh nghiệm quản lý tiên tiến, kỹ năng kinh doanh quốc tế, mở rộng thị trường; hình thành đội ngũ lao động có tay nghề cao và tinh thần lao động sáng tạo, có kỷ cương, kỷ luật; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần giải quyết vấn đề đói nghèo, cải thiện đời sống cho người lao động đồng thời là cơ hội tốt cho nước ta tham gia hội nhập sâu, rộng hơn vào nền kinh tế thế giới. Nhờ có sự đóng góp quan trọng của FDI mà Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm qua và được biết đến là quốc gia đang phát triển năng động, đổi mới, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế. Vì vậy, tình hình thu hút FDI là một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt với những nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Việt Nam được nhận định là một trong những điểm sáng trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tính lũy kế đến ngày 20/11/2023, sau 35 năm “đón” nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, toàn bộ 63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã thu hút 38.844 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 462,4 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt gần 294,2 tỷ USD, bằng 63,6% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức thu nhập của người dân.

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội, tiếp giáp với các trung tâm kinh tế lớn của phía

Bắc. Hệ thống giao thông thuận lợi với hệ thống đường cao tốc Hà Nội - Bắc Ninh, các tuyến đường quan trọng nối liền tỉnh với các trung tâm kinh tế, văn hóa và thương mại của phía Bắc như: quốc lộ 1A-1B, 18 và 38, đường sắt xuyên Việt đi Trung Quốc... Bắc Ninh trở thành bến đỗ của các nhà đầu tư với rất nhiều điểm mạnh trong thu hút vốn FDI. Với phương châm lấy niềm tin, sự hài lòng của doanh nghiệp làm mục tiêu cốt lõi để thúc đẩy phát triển kinh tế, các cấp chính quyền của tỉnh Bắc Ninh đã không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư hiện đại, thông thoáng, kết cấu hạ tầng phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh. Để nâng cao chất lượng dòng vốn FDI, tỉnh sẽ chuyển hướng thu hút đầu tư FDI theo tiêu chí “*ba cao*” là công nghệ cao, môi trường cao, ngân sách cao và “*hai ít*” là sử dụng ít đất, ít lao động. Giai đoạn 2018-2022, tỉnh đã đẩy mạnh việc thu hút và có chọn lọc vốn FDI chất lượng cao. Các dự án FDI đầu tư mới vào Bắc Ninh chủ yếu hoạt động các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; bước đầu phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp công nghệ cao, sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, ở Bắc Ninh, các biện pháp thu hút vốn FDI thời gian qua bộc lộ một số hạn chế, dẫn đến kết quả tốc độ tăng vốn FDI chưa đạt như mong đợi và tiềm năng phát triển của tỉnh, đặc biệt các dự án FDI xanh còn ít. Số lượng các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu môi trường đầu tư, số dự án đăng ký dự định đầu tư khá nhiều nhưng số dự án đầu tư được cấp phép và đi vào hoạt động vẫn còn thấp. Cơ cấu đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội do một số những nguyên nhân khách quan như công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng còn chưa theo kịp tốc độ phát triển, một số còn thiếu, chưa đồng bộ; các khu nhà ở cho công nhân còn thiếu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế hay các vấn đề liên quan đến môi trường...

Vì vậy, đòi hỏi phải nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề này để đưa ra những giải pháp đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nhằm tăng cường thu hút vốn FDI

tại Bắc Ninh có hiệu quả hơn, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Đó là lý do tác giả lựa chọn đề tài: ***“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI ở tỉnh Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững”*** làm đề tài nghiên cứu cơ sở năm 2024.

Việc nghiên cứu đề tài góp phần làm sâu sắc hơn kiến thức chuyên ngành của tác giả (chuyên ngành kinh tế chính trị) về hình thức xuất khẩu tư bản trực tiếp thông qua dòng vốn FDI - một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ công tác giảng dạy của tác giả ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tốt hơn.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

FDI (nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) có một vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Ở Việt Nam, kể từ năm 1987, khi Luật Đầu tư nước ngoài đầu tiên có hiệu lực, đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về học thuật và tổng kết thực tiễn tại Việt Nam về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Những cuốn sách, bài báo tiêu biểu, những nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài rất phong phú:

Nguyen, Anh Ngoc and Nguyen, Thang, “*Foreign Direct Investmet in Vietnam, An Overview and Analysis the Determinants of Spatial Distribution Across Provinces*” (July 10, 2007). Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=999550> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.999550>. Bài báo cung cấp tổng quan về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam và xem xét tình hình nghiên cứu kinh tế hiện tại về các yếu tố quyết định FDI và tác động của nó đối với nền kinh tế Việt Nam. Tác giả tập trung phân tích về các yếu tố quyết định phân bố không gian FDI giữa các tỉnh, từ đó chỉ ra tầm quan trọng của thị trường, lao động và kết cấu hạ tầng trong việc thu hút FDI.

Malesky, Edmund J., “*Provincial Governance and Foreign Direct Investment in Vietnam (August 31, 2010). 20 YEARS OF FOREIGN INVESTMENT: REVIEWING AND LOOKING FORWARD (1987-2007)*”, Knowledge Publishing House, 2007, Available at SSRN: <http://.ssrn.com/abstract=1669742>. Trong bài báo, tác giả tập trung chứng minh, làm rõ sự thu hút FDI gần đây có tương quan với quản trị kinh tế, ngay cả khi biện pháp quản trị đó bắt nguồn từ nhận thức của khu vực tư nhân trong nước. Do những vấn đề cơ bản với cách thức đo lường FDI, hơn nữa hầu hết các phân tích về FDI chỉ là những bức ảnh chụp nhanh của một quá

trình dài hạn và năng động, nên việc tập trung vào các biến kết quả khác liên quan đến FDI có ý nghĩa hơn. Tác giả chỉ ra tác động của quản trị trong thu hút FDI. Quản trị tốt có liên quan chặt chẽ đến tỷ lệ thực hiện FDI và quyết định về việc bổ sung vốn vào các dự án hiện có. Việc họ quyết định thực hiện các cam kết đầu tư của mình hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc họ có tin rằng cơ sở kinh doanh, vật liệu và hợp đồng của mình sẽ được bảo vệ an toàn trong tương lai hay không. Đây là một phát hiện quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam.

Sauvant, Karl P. and Gabor, Evan, “*Facilitating sustainable FDI for sustainable development in a WTO Investment Facilitation Framework: four concrete proposals*”. *Journal of World Trade*, vol. 55 (2021), pp. 261-286, Available at SSRN: <http://ssrn.com/abstract=3496967> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3496967>. Bài viết tập trung làm rõ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có thể là một phương tiện quan trọng cho phát triển. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, trọng tâm không chỉ là phát triển nói chung mà còn là phát triển bền vững nói riêng. Do đó, tác giả đã tập trung phân tích cách các quốc gia có thể tăng mức FDI hướng đến các dự án có khả năng đóng góp nhiều nhất vào phát triển bền vững của quốc gia - nói cách khác, cách các quốc gia có thể tăng dòng FDI bền vững. Theo đó, bài viết thảo luận về khái niệm “FDI bền vững” và sau đó đưa ra bốn vấn đề và các đề xuất cụ thể liên quan đến việc tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển bền vững.

Nguyễn Trọng Tuân (2002), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Cuốn sách đã làm sáng tỏ một số quan hệ bản chất của đầu tư trực tiếp nước ngoài và một số tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam nói chung đặc biệt đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói riêng. Trên cơ sở đó nêu ra một số kiến nghị mới về quan điểm, chính

sách và giải pháp chủ yếu nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả cao đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ công cuộc CNH, HĐH trong thời gian tới.

Đỗ Đức Bình (2005), “*Đầu tư của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) tại Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã trình bày từ quan niệm về đầu tư quốc tế đến khái niệm FDI, các TNCs, vai trò của TNCs trong nền kinh tế thế giới, kinh nghiệm thu hút đầu tư của TNCs tại một số nước. Qua nghiên cứu phân tích thực trạng thu hút FDI nói chung và từ TNCs nói riêng tại Việt Nam giai đoạn 1988 - 2004, trong cuốn sách đã khái quát một số đóng góp của FDI đến các mặt kinh tế - xã hội ở Việt Nam như tham gia tích cực vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, sản xuất và xuất khẩu, đa dạng hóa và nâng cấp thiết bị, công nghệ. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng chỉ ra một số tác động tiêu cực như mâu thuẫn với mục tiêu chiến lược chung và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; lợi dụng ưu thế về vốn, công nghệ để thao túng trong các liên doanh, gây sức ép với cơ quan quản lý nhà nước. Từ đó, cuốn sách cũng đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả FDI của các TNCs cho Việt Nam.

Trần Quang Lâm, An Như Hải (Đồng chủ biên) (2006), “*Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nhóm tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm rõ vai trò quan trọng của thành phần kinh tế này trong nền kinh tế nước ta và đề xuất các giải pháp tiếp tục phát triển kinh tế có vốn FDI ở nước ta thời gian tới.

Đặng Hoàng Thanh Nga (2011), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia của Hoa Kỳ ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã tập trung phân tích vấn đề thu hút FDI của các TNCs Hoa Kỳ vào Việt Nam giai đoạn 1995 - 2011, chỉ ra một số tác động tới nguồn vốn, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất nhập khẩu, chuyển giao công

nghệ, giải quyết việc làm, tính lan tỏa toàn cầu, ảnh hưởng tới chính trị, môi trường. Từ đó đã nêu ra một số gợi ý chính sách về hoàn thiện môi trường đầu tư, công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, tạo lập các đối tác liên kết, nâng cao chất lượng nhân lực nhằm tăng cường thu hút FDI của các TNCs của Hòa Kỳ vào Việt Nam.

Võ Thanh Thu, Ngô Thị Ngọc Huyền (2011), “*Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài*”, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Cuốn sách đã cung cấp những chỉ dẫn khoa học và có hệ thống về kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài như vai trò của đầu tư quốc tế, các định chế quốc tế ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Việt Nam, hỗ trợ phát triển chính thức - hình thức đầu tư quốc tế đặc biệt, đấu thầu quốc tế, chuyên giao công nghệ quốc tế, chuyên giao trong hoạt động đầu tư quốc tế, thẩm định dự án đầu tư, cơ chế quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam, các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài, quy trình thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam...

Nguyễn Tấn Vinh (2012), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*”, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội. Tác giả đã tập trung trình bày khái quát một số vấn đề lý luận về FDI phân tích các kênh ảnh hưởng của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành như tác động tới tăng trưởng kinh tế ngành; chuyển giao công nghệ góp phần vào tăng trưởng kinh tế ngành; vai trò của FDI đối với nguồn nhân lực, lao động; sự tương tác với vốn đầu tư trong nước; hiệu quả ngoại ứng từ năng suất; hiệu ứng xuất khẩu. Cuốn sách cũng phân tích thực trạng ảnh hưởng của FDI đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2001 - 2010 và rút ra đánh giá, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành thông qua FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh như nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về FDI, cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện quy

hoạch, thực hiện đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư đối với FDI tìm kiếm thị trường, liên kết vùng để thu hút FDI tìm kiếm nguồn tài nguyên; phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhân lực... để thu hút FDI tìm kiếm hiệu quả.

Phùng Xuân Nhạ (2013), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã tập trung phân tích các luận cứ khoa học và làm sáng rõ thực trạng các chính sách và những kết quả đạt được của hoạt động thu hút FDI ở Việt Nam trong 26 năm từ khi nước ta có Luật Đầu tư nước ngoài (1987). Từ đó, tác giả đưa ra một số gợi ý chính sách, biện pháp điều tiết các hoạt động thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI ở Việt Nam.

Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Hương (Đồng chủ biên) (2014), “*Thu hút FDI để phát triển kinh tế các tỉnh miền núi trung du phía Bắc*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách tập trung phân tích những cơ sở, luận chứng vững chắc trong thu hút nguồn vốn FDI. Từ đó, đề xuất, thực thi những giải pháp mang tính đột phá để đẩy mạnh thu hút dòng vốn từ nước ngoài góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc.

Phan Hữu Thắng (2018), “*FDI - Đồng tiền hai mặt*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Một cuốn sách đáng quý đối với độc giả, đặc biệt là những người quan tâm nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến dòng vốn FDI tại Việt Nam. Cuốn sách đã thể hiện quan điểm nhất quán và những nhận định đa chiều của tác giả về FDI ở Việt Nam qua việc đánh giá tác động, thành quả, những mảng sáng, mặt tích cực và cả những mặt trái của FDI trong 30 năm, kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 đến nay. Tác giả đã mang đến cho độc giả những hiểu biết sâu sắc hơn về thực chất của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Phan Hữu Thắng (2021), *“FDI - Nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới”*, Nxb Khoa học và kỹ thuật. Một cuốn sách rất hay trong bối cảnh quốc tế hiện nay khi cạnh tranh quốc tế giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu toàn cầu, đại dịch Covid-19...đều đang diễn ra hết sức phức tạp, khó dự báo trước. Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại đầu tư quốc tế có xu hướng giảm, cho thấy yếu tố tự cường - tính tự chủ của nền kinh tế sẽ quyết định “Thắng” hay “Bại” của mỗi quốc gia. Nhiệm vụ kép “vừa thu hút FDI phát triển kinh tế - xã hội đất nước, vừa xây dựng nền kinh tế tự cường” thông qua hợp tác đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới của Việt Nam được các nhà hoạch định chính sách đặc biệt quan tâm. Tác giả đã mang đến cho độc giả những vấn đề mang tính thời sự về thu hút FDI trong bối cảnh hiện nay.

Hội đồng biên soạn Báo cáo thường niên Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2021), *“Báo cáo đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 2021”*, Nxb Khoa học kỹ thuật. Cuốn sách giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam và những vấn đề cần giải quyết để nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng và mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị. Nhóm tác giả cũng đi sâu phân tích toàn diện tình hình FDI tại Việt Nam năm 2021, cơ cấu FDI theo phương thức đầu tư, theo ngành kinh tế, theo đối tác đầu tư, theo ngành và địa phương và FDI vào khu công nghiệp, khu kinh tế. Từ đó, đánh giá những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong thu hút FDI thời gian tới hướng tới phát triển kinh tế bền vững.

Hà Văn Hội - Vũ Thanh Hương, (2022) *“FDI toàn cầu và định hướng thu hút FDI của Việt Nam trong bối cảnh mới”*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Cuốn sách đã tập trung đi làm rõ tổng quan về dòng vốn FDI toàn cầu trong bối cảnh mới. Đặc biệt, tập trung phân tích sự thay đổi của dòng FDI toàn cầu

trong sự suy giảm trên diện rộng của nền kinh tế thế giới, đại dịch Covid -19, các cuộc khủng hoảng toàn cầu, những biến động địa chính trị. Từ đó, mô tả dòng vốn FDI vào Việt Nam, dự báo nguồn vốn FDI đến năm 2030 và những tác động của FDI đến một số khía cạnh như tăng trưởng kinh tế... Cuốn sách giúp độc giả có cái nhìn toàn diện, tổng thể hơn về dòng vốn FDI toàn cầu và bức tranh thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh hiện nay có nhiều biến động.

Bên cạnh đó, đã có nhiều đề tài kinh tế tập trung nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động của nó tới phát triển kinh tế - xã hội, như:

Nguyễn Tiến Long (2011), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên*”, luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân. Tác giả cho rằng FDI có những tác động tích cực như bổ sung nguồn vốn, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, phát triển nhân lực, kinh nghiệm quản lý, thúc đẩy ngoại thương, khai thác tốt hơn nguồn lực của nước nhập khẩu FDI để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, khuyến khích năng lực trong nước. Tác động tiêu cực của FDI bao gồm tạo ra sự mất cân đối trong phát triển theo vùng, ảnh hưởng đến tiêu cực đến truyền thống văn hóa dân tộc, gia tăng nhập khẩu công nghệ gây ô nhiễm môi trường...

Bùi Thuý Vân (2011), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với việc chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu ở vùng đồng bằng Bắc bộ*”, luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân. Tác giả đã tập trung đánh giá tác động của FDI tới tăng trưởng ngoại thương của nước nhập khẩu FDI. Tuy nhiên, tác động của FDI tới tăng trưởng xuất khẩu có tính hai mặt, nếu như FDI thay thế có mục tiêu mở rộng tiêu thụ ở nước ngoài có tác động không đáng kể tới tăng trưởng xuất khẩu, thì FDI bổ sung với mục tiêu sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu của nước xuất khẩu FDI sẽ có tác động tích cực tới xuất khẩu của nước nhận FDI sang nước xuất khẩu FDI. FDI có tác động đến chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng của hàng xuất khẩu đã qua chế biến.

Tuy nhiên tác động của FDI tới nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu là không rõ ràng, để phát huy được tác động này cần có những chính sách phù hợp như thực hiện cơ chế phối hợp quản lý các cấp về FDI, hoàn thiện công tác quy hoạch thu hút và sử dụng FDI, đẩy mạnh thu hút FDI vào các ngành công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực, hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp hỗ trợ...

Đào Văn Thanh (2013), *“Tác động tràn của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới các doanh nghiệp thuộc ngành dệt may Việt Nam”*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân. Tác giả khẳng định FDI ngoài tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế - xã hội của nước tiếp nhận đầu tư, còn có tác động gián tiếp nhiều mặt tới các chủ thể kinh doanh của nước nhập khẩu FDI như các tác động trong nội bộ ngành và giữa các ngành thông qua các kênh truyền dẫn như: Thứ nhất, tạo sức ép cạnh tranh buộc các doanh nghiệp trong nước phải vươn lên không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, nhưng từ đó có thể làm giảm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước. Thứ hai, tạo cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong nước tiếp thu tiến bộ khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lý thông qua hiệu ứng bắt chước, học tập. Thứ ba, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và hoạt động nghiên cứu và triển khai trong nội bộ từng ngành. Thứ tư, thúc đẩy phát triển nhân lực theo chiều sâu, vừa tạo ra xu hướng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong các doanh nghiệp FDI, vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác có thể thu hút được bộ phận người lao động đã làm việc tại các doanh nghiệp FDI. Thứ năm, thúc đẩy quan hệ liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp khác trong cùng ngành trên cơ sở phân công lao động để sản xuất sản phẩm. Thứ sáu, cải thiện công nghệ của các nhà cung cấp địa phương hoặc các nhà cung cấp tiềm năng thông qua hỗ trợ công nghệ. Thứ bảy, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước tiếp thu công nghệ mới...

Nguyễn Việt Cường (2016), *“Thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc”*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh

tế, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã tập trung đi phân tích thực trạng thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Bình Xuyên giai đoạn 2008 - 2013. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những hạn chế, tác giả đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài vào Vĩnh Phúc.

1.2. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về FDI; tác động của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số địa phương là tài liệu tham khảo quý báu để tác giả có cái nhìn tổng quan về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của việc thu hút nguồn vốn FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay.

Trong các công trình nghiên cứu, một số tác giả tiếp cận nội dung theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhờ việc thu hút nguồn vốn FDI như tác giả Nguyễn Trọng Tuấn, tác giả Nguyễn Tấn Vinh. Một số tác giả tiếp cận nội dung theo hướng làm gì để thu hút được nguồn vốn FDI như tác giả Trần Quang Lâm, An Như Hải. Tác giả Sauvant, Karl P. and Gabor, Evan quan tâm đến phân tích cách thức các quốc gia thu hút FDI hướng tới phát triển bền vững. Các tác giả Hà Văn Hội - Vũ Thanh Hương, Phan Hữu Thắng đã tập trung nghiên cứu, đánh giá về dòng vốn FDI trong bối cảnh mới, đặc biệt sau đại dịch Covid – 19 dòng vốn FDI có những biến động khó lường. Đây là những tài liệu quý giá để tác giả có cái nhìn bao quát, tổng thể về dòng vốn FDI. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu, chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của việc thu hút nguồn vốn FDI tại tỉnh Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững dưới góc độ kinh tế chính trị. Vì vậy, tôi muốn có một nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề này để góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững tại Bắc Ninh, đặc

biệt hướng tới đẩy mạnh thu hút FDI xanh, FDI công nghệ cao, hiện đại trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 2: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Về không gian: Hoạt động thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Về thời gian: Từ năm 2015 đến 2023

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Thực trạng thu hút vốn FDI tại tỉnh Bắc Ninh (cụ thể trong ngành công nghiệp)

2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

Cơ sở lý luận của đề tài dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế được thể hiện trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IX, X, XI, XII, XIII. Các văn bản pháp luật đã ban hành, đặc biệt là Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường...

Về phương pháp luận: Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đồng thời, đề tài đã sử dụng các phương pháp cụ thể:

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học

Phương pháp thống kê

Phương pháp phân tích, tổng hợp

Phương pháp so sánh, đánh giá, dự báo

Phương pháp tổng kết thực tiễn địa phương

Việc nghiên cứu đề tài về thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được thực hiện gắn với từng hoàn cảnh, điều kiện, từng giai đoạn phát triển cụ thể với sự kết hợp tối ưu nhất các phương pháp để làm nổi bật lên nội dung cần nghiên cứu, làm rõ.

Phương pháp thống kê: Tác giả đã thu thập, sử dụng các số liệu thống

kê, lập thành các bảng thích hợp để phục vụ cho quá trình phân tích thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Bắc Ninh. Trên cơ sở các số liệu mới cập nhật về tình hình thu hút vốn FDI từ 2015 đến 2023, tác giả đã đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao thu hút dòng vốn FDI tại Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Dựa trên những phân tích về thực trạng thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh. Tác giả đã tổng hợp đưa ra những đánh giá chung mang tính khái quát về những kết quả đã đạt được và những tồn tại cần khắc phục của hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Bắc Ninh. Từ đó, tác giả sẽ dễ dàng tiếp cận chương 3 để đưa ra các giải pháp sát thực tiễn, nâng cao hiệu quả của việc thu hút dòng vốn FDI hướng tới phát triển bền vững.

Phương pháp so sánh, đánh giá, dự báo: Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đánh giá để so sánh kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Bình Dương, tỉnh Hải Dương. Từ những so sánh đó, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Bắc Ninh trong thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hướng tới phát triển bền vững.

Phương pháp tổng kết thực tiễn địa phương: Trên cơ sở sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu, tác giả còn sử dụng phương pháp tổng kết thực tiễn địa phương trong hơn 25 năm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để đưa ra những đánh giá, nhận xét về quá trình thu hút vốn FDI. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những giải pháp để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hướng tới phát triển bền vững.

2.4. Những đóng góp của đề tài

Góp phần hệ thống hóa một số cơ sở lý luận và thực tiễn về nguồn vốn FDI và thu hút nguồn vốn FDI.

Chỉ rõ những hạn chế, chưa bền vững và nguyên nhân của những hạn

chế trong hoạt động thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Đề xuất được những giải pháp cơ bản, có khả năng áp dụng trong thực tiễn, góp phần phát triển nâng cao hiệu quả thu hút FDI hướng tới phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

2.5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 3: Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Chương 4: Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở tỉnh Bắc Ninh

Chương 5: Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào tỉnh Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững

CHƯƠNG 3: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

3.1. Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

3.1.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về tư bản và đầu tư tư bản

Các Mác đã cống hiến cả cuộc đời để nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các Mác đã để lại nhiều lý luận, học thuyết có giá trị cho nhân loại. Khi phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong bộ Tư bản của mình, Các Mác đã chỉ rõ: Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột công nhân làm thuê, tư bản không phải là một vật mà là quan hệ sản xuất xã hội, nó là một phạm trù lịch sử chứ không phải một phạm trù vĩnh viễn. Các Mác viết rằng: *“như vậy là giá trị được ứng ra lúc ban đầu không những được bảo tồn trong lưu thông, mà còn thay đổi đại lượng của nó, còn cộng thêm một giá trị thặng dư, hay là sự tăng thêm giá trị. Chính sự vận động ấy đã biến giá trị đó thành tư bản”*.¹

Các Mác chỉ ra rằng, dù cho hình thái xã hội của quá trình sản xuất là như thế nào chăng nữa, thì bao giờ quá trình đó phải có tính chất liên tục. Xã hội không thể ngừng tiêu dùng, cho nên xã hội cũng không thể ngừng sản xuất. Không một xã hội nào có thể sản xuất không ngừng, tức là tái sản xuất, mà lại không liên tục chuyển hóa trở lại một phần sản phẩm nhất định của nó thành những yếu tố của đợt sản xuất mới. Như vậy, rõ ràng để tái sản xuất thì cần phải tích lũy vốn, tích lũy vốn là vấn đề trung tâm của mọi nền sản xuất xã hội.

Tích lũy tư bản làm tăng khối lượng giá trị thặng dư cho nhà tư bản, là phương thức làm giàu, đồng thời là con đường sống duy nhất của các nhà tư bản. Chính vì vậy các nhà tư bản thường dùng mọi biện pháp để tích lũy. Các Mác đã chỉ ra, với một khối lượng giá trị thặng dư nhất định, đại lượng tích lũy phụ thuộc vào tỉ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư đó thành quỹ tiêu

¹ C. Mác – Ph. Ăngghen Toàn tập (1995), tập 23, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, trang 251

dùng và quỹ tích lũy. Còn nếu tỉ lệ phân chia đó đã cho sẵn thì rõ ràng đại lượng của tư bản tích lũy sẽ do giá trị tuyệt đối của khối lượng giá trị thặng dư quyết định.

Như vậy những nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thặng dư cũng ảnh hưởng đến tích lũy.

Nghiên cứu quan điểm của Các Mác về tư bản và tích lũy tư bản giúp chúng ta hiểu rõ về vốn đầu tư và sự cần thiết phải tích lũy vốn. Tích lũy vốn là tăng lượng sản phẩm thặng dư, qua đó ảnh hưởng tới tái đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế. Xã hội nào cũng cần phải có tích lũy vốn, do khả năng tích lũy của nền kinh tế rất thấp, muốn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để có tăng trưởng kinh tế, Việt Nam cần có chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Vào những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX diễn ra quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền dưới sáu nguyên nhân lớn. Cùng với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền là sự ra đời của xuất khẩu tư bản. V.I.Lênin chỉ ra rằng: *“Điển hình của chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó sự tự do cạnh tranh hoàn toàn thống trị, là việc xuất khẩu hàng hóa. Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản mới, trong đó các tổ chức độc quyền thống trị là việc xuất khẩu tư bản”*.²

Vào thời điểm này các nước tư bản giàu có nhất, việc tích lũy tư bản đạt tới quy mô rất lớn. Nhưng những lĩnh vực ở trong nước có tỷ suất lợi nhuận cao thì các tổ chức độc quyền chia nhau thống trị hết, chỉ còn những lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận thấp hoặc không có lợi nhuận. Các nhà tư bản không muốn đầu tư trong nước dẫn đến tư bản thừa tương đối. Lênin viết: *“Dĩ nhiên nếu chủ nghĩa tư bản có thể phát triển được nông nghiệp, là lĩnh vực, hiện nay ở mọi nơi vẫn còn hết sức lạc hậu so với công nghiệp. Nếu chủ nghĩa*

² Lênin Toàn tập (2005), tập 27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, trang 455

tư bản có thể nâng cao được mức sống của quần chúng nhân dân là những người hiện nay ở khắp các nước, vẫn còn thiếu ăn và nghèo khổ mặc dù kỹ thuật tiến bộ rất nhanh, thì không thể nào có chuyện tư bản thừa được”. “Chừng nào chủ nghĩa tư bản vẫn là chủ nghĩa tư bản, thì số tư bản thừa vẫn còn được dùng không phải là để nâng cao mức sống của quần chúng trong nước đó, vì như thế sẽ đi đến kết quả là làm giảm lợi nhuận của bọn tư bản”³. Trong khi các nước lạc hậu đã bị lôi cuốn vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản thế giới. Ở những nước này: Giá cả đất đai tương đối rẻ, nguyên liệu rẻ, tiền công hạ, có những điều kiện tối thiểu để phát triển công nghiệp, và hứa hẹn đem lại lợi nhuận cao, do đó dẫn tới sự xuất khẩu tư bản từ các nước giàu có vào các nước lạc hậu. Lênin kết luận: “Sở dĩ có thể xuất khẩu được tư bản là vì một số nước lạc hậu đã bị lôi cuốn vào quỹ đạo chủ nghĩa tư bản thế giới, những tuyến đường sắt chính đã được xây dựng xong hoặc đã bắt đầu được xây dựng, đã có những điều kiện tối thiểu để phát triển công nghiệp, v.v.. Sở dĩ cần phải xuất khẩu tư bản là vì trong một số nước chủ nghĩa tư bản đã “quá chín”, và tư bản thiếu địa bàn đầu tư “có lợi” (trong điều kiện nông nghiệp lạc hậu quần chúng nghèo khổ)”⁴.

Về vai trò của việc xuất khẩu tư bản với chủ nghĩa tư bản, Lênin nhận định rằng: “việc xuất khẩu tư bản ảnh hưởng đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và thúc đẩy hết sức nhanh sự phát triển đó trong các nước đã được đầu tư”⁵. Thật vậy, việc xuất khẩu tư bản làm cho chủ nghĩa tư bản phát triển rộng và sâu trên toàn thế giới.

Ngày nay, việc xuất khẩu tư bản luôn thể hiện kết quả trên hai mặt. Một mặt, nó làm cho các quan hệ tư bản chủ nghĩa được mở rộng và phát triển ra trên địa bàn quốc tế, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phân công lao động

³ Lênin Toàn tập (2005), tập 27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, trang 456

⁴ Lênin Toàn tập (2005), tập 27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, trang 457

⁵ Lênin Toàn tập (2005), tập 27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, trang 459

và quốc tế hóa đời sống kinh tế của nhiều nước, là một trong những nhân tố cực kì quan trọng tác động từ bên ngoài vào làm cho quá trình công nghiệp hóa và tái công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các nước nhập khẩu tư bản phát triển nhanh chóng. Song xuất khẩu tư bản vẫn để lại cho các quốc gia nhập khẩu tư bản, nhất là các nước đang phát triển những hậu quả nặng nề như: Nền kinh tế phát triển mất cân đối và lệ thuộc, nợ nần chồng chất do bị bóc lột quá nặng nề, ô nhiễm môi trường, tài nguyên cạn kiệt... Song điều này phụ thuộc rất lớn vào vai trò quản lý của nhà nước ở các nước nhập khẩu tư bản. Lợi dụng mặt tích cực của xuất khẩu tư bản, nhiều nước đã mở rộng việc tiếp nhận đầu tư để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa của nước mình. Vấn đề đặt ra là phải biết vận dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt, nguyên tắc cùng có lợi, lựa chọn phương án thiết thực để khai thác nguồn lực quốc tế có hiệu quả.

Xuất khẩu tư bản mà Lênin nghiên cứu vào đầu thế kỉ XX và đầu tư nước ngoài hiện nay về bản chất là một, do cả xuất khẩu tư bản đầu thế kỉ XX với đầu tư nước ngoài hiện nay đều có cùng mục đích lợi nhuận. Tất nhiên xuất khẩu tư bản và đầu tư nước ngoài hiện nay có nhiều điểm khác nhau, chẳng hạn: Trước kia xuất khẩu tư bản là để giải quyết vấn đề tư bản thừa, thì việc đầu tư nước ngoài hiện nay bên cạnh việc giải quyết vấn đề tư bản thừa, còn là chiến lược hàng đầu của các công ty xuyên quốc gia. Việc nghiên cứu quan điểm của V.I.Lênin về xuất khẩu tư bản vào đầu thế kỉ XX giúp cho chúng ta có cơ sở để hiểu rõ về đầu tư nước ngoài hiện nay.

3.1.2. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

3.1.2.1. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (*Foreign Direct Investment*, viết tắt là FDI) xuất hiện vào thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, sau những cuộc xâm chiếm thuộc địa và trở thành hiện tượng phổ biến vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX khi chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền.

Theo V.I.Lênin, trong điều kiện chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã dẫn tới sự tích tụ và tập trung sản xuất, tích tụ và tập trung sản xuất đến một mức độ nhất định sẽ đẻ ra độc quyền. Sự thống trị của độc quyền tư bản dưới hình thái tư bản tài chính là cơ sở vững chắc cho việc thu lợi nhuận độc quyền cao, trở thành điều kiện quan trọng cho sự lớn lên của tư bản, và sự xuất hiện tình trạng “*tư bản thừa*” như là một tất yếu. Từ đó FDI với tư cách là xuất khẩu tư bản trực tiếp cũng trở thành tất yếu phổ biến.

Chùng nào chủ nghĩa tư bản vẫn còn là chủ nghĩa tư bản, số tư bản thừa vẫn còn được dùng không phải là để nâng cao mức sống của quần chúng trong nước đó, vì như thế thì sẽ đi đến kết quả làm giảm bớt lợi nhuận của bọn tư bản, mà là để tăng thêm lợi nhuận đó bằng cách xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, vào những nước lạc hậu. Trong các nước lạc hậu này, lợi nhuận thường cao, vì tư bản hãy còn ít, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu, giá cả ruộng đất tương đối thấp, nhân công dồi dào, tiền công hạ, nguyên nhiên vật liệu rẻ...

Ban đầu, đối với từng nhà tư bản, FDI hướng tới sử dụng nguồn lao động tại chỗ để khai thác khoáng sản, đồn điền nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu cung cấp cho các ngành sản xuất ở chính quốc. Đối với chủ nghĩa tư bản, FDI chính là một trong những phương thức tìm kiếm, khai thác các yếu tố cần thiết, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nếu như trong giai đoạn trước chiến tranh thế giới thứ hai, FDI chủ yếu chảy từ các nước tư bản phát triển đầu tư vào các nước kém phát triển và thuộc địa, thì sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) luồng đầu tư đã có sự thay đổi. Đã xuất hiện sự đầu tư lẫn nhau giữa các nước tư bản phát triển, xuất hiện những nước vừa là nơi cung cấp nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài vừa là địa điểm tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự vận động và phát triển của FDI đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà học giả và tổ chức quốc tế. Cho đến nay đã có rất nhiều quan niệm về FDI.

Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization, viết tắt là WTO): “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài diễn ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước tiếp nhận đầu tư) với quyền quản lý tài sản đó*”. Định nghĩa này khẳng định FDI là một loại tài sản, phân biệt với các loại tài sản khác thông qua phương diện quản lý. Nhà đầu tư trong trường hợp này được xác định là công ty mẹ, còn các tài sản được coi là chi nhánh hoặc công ty con.

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund, viết tắt IMF): FDI là “*một khoản đầu tư với những quan hệ lâu dài, theo đó, một tổ chức trong một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) thu được lợi ích lâu dài từ một DN đặt tại một nền kinh tế khác. Mục đích của nhà đầu tư trực tiếp là muốn có nhiều ảnh hưởng trong việc quản lý DN đặt tại nền kinh tế khác đó*”.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development, viết tắt là OECD): “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một loại đầu tư phản ánh mục tiêu của việc thiết lập mối quan tâm lâu dài của một DN thường trú tại một nền kinh tế (đầu tư trực tiếp) trong một DN (DN đầu tư trực tiếp) là cư dân trong một nền kinh tế khác hơn so với đầu tư trực tiếp. Sự quan tâm lâu dài ngụ ý sự tồn tại của một mối quan hệ lâu dài giữa các nhà đầu tư trực tiếp và các DN đầu tư trực tiếp và một mức độ đáng kể ảnh hưởng đến việc quản lý của DN. Quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp của 10% quyền biểu quyết của một cư dân DN trong một nền kinh tế bởi một cư dân nhà đầu tư trong nền kinh tế khác là bằng chứng của một mối quan hệ như vậy*”.

Theo Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc (United Nations Conference on Trade and Development, viết tắt UNCTAD): FDI là “*một sự đầu tư thực hiện để có được lợi ích lâu dài trong DN hoạt động bên ngoài của nền kinh tế của nhà đầu tư ... mục đích của chủ đầu tư là để đạt*

được một tiếng nói hiệu quả trong việc quản lý của DN”.

Theo Điều 3, Luật Đầu tư năm 2005, “Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư”, “Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư”.

Theo Điều 3, Luật Đầu tư năm 2020, “Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam”; “Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông”; “Vốn đầu tư là tiền và tài sản khác theo quy định của pháp luật về dân sự và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh”.

Như vậy, dù không có khái niệm cụ thể và riêng biệt nhưng có thể hiểu FDI là một hình thức đầu tư do các nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam lượng vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư ở tại nước ta với mục đích tìm kiếm các nguồn lợi nhuận.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài được hiểu theo hai kênh chủ yếu:

Đầu tư mới - Greenfield Investment (GI): Xây dựng doanh nghiệp mới, doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Mua lại và sáp nhập - Merger&Acquisition (M&A): Mua lại và sáp nhập một doanh nghiệp hiện có hoặc mua cổ phần của các công ty cổ phần hoặc đã được cổ phần hóa.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, chính phủ nước tiếp nhận đầu tư còn lập ra các khu ưu đãi đầu tư trong lãnh thổ nước mình như: Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, khu kinh tế hoặc là áp dụng các hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (Built - Operation - Transfe, viết tắt

là B.O.T) hay xây dựng - chuyển giao (Built - Transfe, viết tắt là B.T) hay xây dựng - chuyển giao - vận hành (Built – Transfe - Operation, viết tắt là B.T.O).

Ở nhiều quốc gia hình thức M&A là hình thức quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, hình thức này chưa phổ biến ở Việt Nam do những quy định hạn chế cổ phần nước ngoài trong doanh nghiệp nội địa cùng với những chính sách cải cách đầu tư đang trong giai đoạn bắt đầu được thực thi. Vì vậy, ở nước ta, FDI vẫn chủ yếu được thực hiện theo kênh GI.

Như vậy, có thể kết luận FDI là một khoản đầu tư thể hiện mối quan hệ lâu dài và phản ánh lợi ích dài hạn và quyền kiểm soát của một chủ thể cư trú ở một nền kinh tế (được gọi là chủ đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc doanh nghiệp mẹ) trong một doanh nghiệp cư trú ở một nền kinh tế khác nền kinh tế của chủ đầu tư (được gọi là doanh nghiệp FDI hoặc doanh nghiệp chi nhánh hay chi nhánh nước ngoài). FDI chỉ ra rằng chủ đầu tư phải có một mức độ ảnh hưởng đáng kể đối với việc quản lý doanh nghiệp cư trú ở một nền kinh tế khác.

Khái niệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài là hoạt động kêu gọi các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tiền bạc và các tài sản khác vào dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước. Mục đích của thu hút vốn đầu tư nước ngoài là tạo ra nguồn lực mạnh mẽ cho các dự án và hoạt động kinh tế, từ đó đẩy mạnh phát triển kinh tế đất nước; tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân; cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy văn minh của xã hội.

3.1.3. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài

FDI là nguồn vốn quan trọng, góp phần giải quyết thiếu hụt về vốn trong quá trình phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo đảm nhịp độ tăng trưởng

kinh tế, nguồn vốn này trở thành “cú huých” để tạo đột phá trong phát triển kinh tế, thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Việc thu hút và sử dụng hợp lý FDI có vai trò vô cùng to lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia cũng như từng địa phương tiếp nhận. Những tác động tích cực chủ yếu của vốn FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh được thể hiện như sau:

Một là, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Nguồn vốn FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sự gia tăng kết quả hoạt động kinh tế có thể đạt được trước hết dựa vào sự gia tăng về lượng của các yếu tố đầu vào như vốn, sức lao động. Sự bổ sung về vốn đầu tư từ phía FDI cùng hoạt động của FDI trên thực tế sẽ thúc đẩy các ngành, địa bàn thu hút FDI phát triển nhanh hơn, từ đó địa phương nào thu hút được nhiều và sử dụng có hiệu quả FDI sẽ có điều kiện gia tăng thêm tăng trưởng kinh tế nhiều và nhanh so với các địa phương khác. FDI không chỉ bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển mà còn là một luồng vốn ổn định hơn so với các luồng vốn đầu tư quốc tế khác, bởi FDI dựa trên quan điểm dài hạn về thị trường, về triển vọng tăng trưởng và không tạo ra nợ cho chính phủ nước tiếp nhận đầu tư, do vậy, ít có khuynh hướng thay đổi khi có tình huống bất lợi.

Hai là, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa

Sự tập trung của FDI vào lĩnh vực công nghiệp làm cho công nghiệp tại địa phương tiếp nhận có khả năng phát triển nhanh chóng, vượt trội so với các ngành nông nghiệp và dịch vụ, từ đó nhanh chóng nâng cao tỷ trọng của công nghiệp trong GDP. Tiếp đến, sự phát triển ngành công nghiệp tất yếu kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, do đó nếu như ban đầu cơ cấu kinh tế của địa phương tiếp nhận FDI chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, thì tới trình độ nhất định sẽ kích thích tăng trưởng mạnh mẽ hơn của

các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ba là, thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển

FDI được coi là kênh quan trọng để phát triển công nghệ của nước chủ nhà, trong dài hạn đây chính là lợi ích căn bản nhất đối với nước tiếp nhận đầu tư. Trong chuyển giao công nghệ, hai yếu tố cấu thành chủ yếu là công nghệ cứng (công nghệ kỹ thuật được nhập vào cùng với thiết bị máy móc) và công nghệ mềm (chuyên gia kỹ thuật, tri thức, bí quyết quản lý, năng lực tiếp thị...). Các doanh nghiệp nội địa thông qua các quan hệ liên kết hợp tác, thông qua các chính sách phù hợp về thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao, có thể tiếp nhận được không những công nghệ phần cứng, mà cả công nghệ phần mềm từ FDI. Bên cạnh chuyển giao các công nghệ sẵn có, các dự án FDI còn tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ của nước chủ nhà, nhờ đó mà năng lực công nghệ của nước tiếp nhận FDI ngày càng được phát triển và nâng cao hơn. Công nghệ của nước tiếp nhận FDI được cải thiện làm cho năng suất lao động ngày càng được tăng lên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

Bốn là, thúc đẩy phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Tìm kiếm lĩnh vực và địa bàn đầu tư có khả năng thu lợi nhuận cao là bản chất của nhà đầu tư nước ngoài, do đó để thu hút và sử dụng hiệu quả FDI, các nước đang phát triển nói chung và từng địa phương nói riêng buộc phải dành một số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cùng với thu hút thêm các nguồn vốn khác để tập trung vào xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, mạng lưới cung cấp, phân phối điện, nước, hệ thống các khu, cụm công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải....

Năm là, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu

Vốn FDI vào các nước đang phát triển chủ yếu tập trung đầu tư vào

lĩnh vực công nghiệp, nhờ xuất khẩu mà nước chủ nhà khai thác có hiệu quả hơn các nguồn lực trong nước. Dòng vốn FDI thường đi kèm là máy móc, thiết bị và công nghệ do vậy mà thúc đẩy nhập khẩu. Ngoài ra, nhập khẩu còn bổ sung nguồn nguyên liệu thiếu hụt phục vụ cho sản xuất trong nước. Tiêu chí để đánh giá tác động của FDI đến xuất, nhập khẩu của địa phương cấp tỉnh là đóng góp của FDI vào giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh.

Sáu là, góp phần tăng nguồn thu ngân sách

Việc thu hút và sử dụng FDI trước hết có vai trò thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tạo thu nhập cho người lao động. Bản thân sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI với tư cách là chủ thể kinh doanh lớn về hàng hóa, dịch vụ cũng đã tạo nguồn thu ngân sách lớn trực tiếp từ các khoản đóng góp ngân sách của FDI. Đồng thời, với tác động lan tỏa thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các chủ thể khác, nguồn thu ngân sách của từng địa phương nói riêng và cả quốc gia nói chung ngày càng được mở rộng.

Bảy là, góp phần giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực

FDI góp phần tích cực giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt đối với phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm. Việc thu hút FDI của các nước nói chung và từng địa phương nói riêng có tác động tích cực tới giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực của nước tiếp nhận đầu tư. FDI là kênh quan trọng tạo việc làm cho người lao động của địa phương và các vùng lân cận.

Tám là, góp phần cải tạo và bảo vệ môi trường

Các quốc gia trên thế giới đang nỗ lực hết mình để cải tạo và bảo vệ môi trường sống. Thu hút vốn FDI sẽ giúp cho các nước nhập khẩu tư bản có được một nguồn vốn lớn, khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong xử lý vấn đề đang báo động đối với nhân loại đó là ô nhiễm môi trường. Các doanh nghiệp FDI rất quan tâm đến hệ thống xử lý chất thải sau sản xuất một cách tập trung để giảm bớt chi phí đầu tư. Việc đẩy mạnh thu hút nguồn vốn FDI

gắn liền với bảo vệ môi trường đang được các chính phủ quan tâm hàng đầu.

Bên cạnh những tác động tích cực, việc thu hút và sử dụng FDI có thể gây ra những tác động tiêu cực nhất định đối với phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương, quốc gia tiếp nhận FDI. Những tác động đó thể hiện trên các mặt:

Về kinh tế

Các doanh nghiệp FDI hoạt động với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, do đó nếu không gặp các rào cản chặ chẽ về kỹ thuật công nghệ, môi trường thì doanh nghiệp FDI có thể sử dụng những công nghệ cũ thải loại từ các quốc gia phát triển hơn, từ đó sẽ hạn chế tác động tích cực của FDI về chuyển giao công nghệ, ngược lại có thể biến địa phương, quốc gia tiếp nhận FDI trở thành bãi thải của nền công nghiệp thế giới.

Về xã hội

Các doanh nghiệp FDI có thể tăng cường bóc lột đối với người lao động tại địa phương như kéo dài thời gian lao động, hạ thấp mức tiền công, trốn bảo hiểm, thậm chí vi phạm thân thể và nhân quyền đối với người lao động; di chuyển những tiêu cực như hối lộ và những tệ nạn xã hội khác...tạo ra những bức xúc xã hội gay gắt, biểu hiện thông qua các cuộc đình công của công nhân trong các doanh nghiệp FDI.

Về môi trường

Để đạt được mục tiêu hiệu quả kinh tế, các doanh nghiệp FDI có thể sử dụng những biện pháp tinh vi gây ô nhiễm môi trường. Họ luôn tìm các phương pháp giảm chi phí sản xuất, tận dụng khai thác tối đa những công nghệ hiện có để thu về lợi nhuận cao. Tại các nước phát triển những yêu cầu cao về xã hội và môi trường đã làm cho các chi phí về môi trường đối với một số những ngành sản xuất ngày càng tăng cao, gây bất lợi cho hoạt động đầu tư.

Tóm lại, luồng vốn FDI đóng vai trò rất quan trọng đối với các nước đang phát triển nói chung và từng địa phương nói riêng. Đối với Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng, đây là nguồn lực từ nước ngoài quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, việc nhận thức đúng đắn vai trò của nó và có chiến lược thu hút khả thi trong thời gian tới, sẽ cho phép cả nước cũng như Bắc Ninh khai thác hiệu quả hơn nguồn lực này thúc đẩy công nghiệp phát triển và từng bước hội nhập kinh tế của khu vực và thế giới. Tuy nhiên, không nên quan niệm nguồn vốn FDI là điều kiện duy nhất để các nước nghèo đi lên, là “*chìa khoá vạn năng*” của sự phát triển. Vì vậy, để thu hút dòng vốn FDI cần nhận thức rõ những tác động tích cực và những ảnh hưởng tiêu cực để có giải pháp phù hợp nhất.

3.1.4. Phát triển bền vững

3.1.4.1. Khái niệm về phát triển bền vững

Nhân loại đã và đang phải gánh chịu những thiệt hại to lớn do chính con người gây ra trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội mà không lường trước tới hậu quả trong tương lai. Con người đang phải đối mặt với hàng loạt những vấn đề nghiêm trọng như sự nóng lên của trái đất, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng nền kinh tế và xã hội, phân hóa giàu nghèo, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không thể tái tạo... Tất cả những hệ lụy này đều ảnh hưởng tới thế hệ tương lai sau này. Vì thế mục tiêu phát triển bền vững ra đời. Vậy phát triển bền vững là gì?

Theo Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (International Union for Conservation of Nature and Natural Resources, viết tắt là IUCN): Phát triển bền vững là một thuật ngữ xuất hiện lần đầu năm 1980 trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn Thế giới” với nội dung: Kêu gọi toàn cầu phát triển bền vững bằng cách bảo vệ các tài nguyên sinh vật. Vào thời điểm này, ý nghĩa của phát

triển bền vững vẫn chỉ gói gọn trong phạm vi hẹp là hướng tới bảo vệ tài nguyên sinh vật. Sự phát triển của nhân loại không chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học. Theo đó môi trường sống của loài người trước các ảnh hưởng của phát triển kinh tế đã bắt đầu được chú ý sau những hệ quả tiêu cực từ chính thiên nhiên, môi trường sống đối với con người. Dần dần các nội dung của phát triển bền vững ngày càng được quan tâm nhiều hơn và được làm rõ hơn.

Theo Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (World Commission on Environment and Development, viết tắt là WCED): Phát triển bền vững là sự phát triển “có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Đây là định nghĩa được trích trong bản báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” năm 1987.

Theo Tổ chức Ngân hàng phát triển Châu Á (The Asian Development Bank, viết tắt là ADB): *“Phát triển bền vững là một loại hình phát triển mới, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng của chúng ta đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ trong tương lai”*

Nội hàm về phát triển bền vững được tái khẳng định ở Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002: *“Phát triển bền vững”* là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói

giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Như vậy, phát triển bền vững là sự phát triển hướng tới mục tiêu đảm bảo ba trụ cột quan trọng về kinh tế, xã hội và môi trường. Tức là sự phát triển của xã hội phải gắn với việc bảo vệ, nâng cao chất lượng môi trường, không gây ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai. Vấn đề thu hút FDI góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương tiếp nhận, nhưng trong quá trình thu hút phải bảo đảm các vấn đề về môi trường, không vì mục tiêu phát triển kinh tế mà bỏ quên môi trường gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, hệ đa dạng sinh học và chất lượng cuộc sống của người dân.

3.1.4.2. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững

Về kinh tế: Bền vững về kinh tế có thể được đánh giá thông qua giá trị và mức ổn định của các chỉ số tăng trưởng kinh tế truyền thống như: Tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm quốc gia (GNP), GDP hay GNP bình quân đầu người, mức tăng trưởng GDP, cơ cấu GDP... Bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, an toàn và chất lượng. Phát triển bền vững về kinh tế đòi hỏi sự phát triển của hệ thống kinh tế, trong đó cơ hội để tiếp xúc với những nguồn tài nguyên được tạo điều kiện thuận lợi và quyền sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế được chia sẻ một cách bình đẳng. Yếu tố được chú trọng ở đây là tạo ra sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, không chỉ tập trung mang lại lợi nhuận cho một số ít, không xâm phạm những quyền cơ bản của con người.

Về xã hội: Bền vững về xã hội được đánh giá bằng các tiêu chí như: Chỉ số phát triển con người, hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong

xã hội, bình đẳng giới; mức độ chênh lệch giàu nghèo không quá cao và có xu hướng xích gần lại; chênh lệch đời sống giữa các vùng miền không lớn.

Về môi trường: Môi trường sống có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của từng cá thể con người cũng như toàn thể loài người. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế nông nghiệp, du lịch; quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới,... đều có tác động và gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, điều kiện tự nhiên. Bền vững về môi trường được thể hiện thông qua việc thực hiện khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng môi trường sống. Phát triển bền vững về môi trường đòi hỏi chúng ta duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường tự nhiên với sự khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ lợi ích con người. Đó là bảo đảm sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, cảnh quan. Chất lượng của các yếu tố trên thường xuyên được đánh giá, kiểm định theo những tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

3.2. Cơ sở thực tiễn về thu hút vốn FDI của một số địa phương

3.2.1. Kinh nghiệm thu hút vốn FDI của Bình Dương

Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và một phần thành phố Hồ Chí Minh, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và một phần tỉnh Đồng Nai. Theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ, tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.694,43 km² (chiếm khoảng 0,83% diện tích cả nước, khoảng 12% diện tích miền Đông Nam Bộ); dân số 1.802.500 người (Tổng cục Thống kê - tháng 10/2014); 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo) và 91 đơn vị hành chính cấp xã (48 xã, 41 phường, 02 thị trấn).

Bình Dương đã biến vùng đất thuần nông, khô cằn, kém hiệu quả trở thành những khu, cụm công nghiệp trọng điểm của cả nước. Đến nay, toàn tỉnh có 28 khu công nghiệp và 8 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 10.000ha. Trong đó có những khu công nghiệp tiêu biểu cho cả nước về xây dựng kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh, đồng bộ và hiện đại, về tốc độ thu hút đầu tư, quản lý sản xuất và bảo vệ môi trường như VSIP 1, 2, Mỹ Phước, Đồng An. Trong năm 2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần trên toàn tỉnh đạt 1 tỷ 539 triệu đô la Mỹ, đứng thứ 9 cả nước và chiếm 4,3% tổng vốn đăng ký. Tính đến tháng 5/2024, Bình Dương đã thu hút gần 4.300 dự án với tổng vốn đầu tư gần 40,6 tỷ USD từ 65 quốc gia và vùng lãnh thổ, đứng thứ ba cả nước về thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Với mục tiêu là điểm dừng chân đầy tiềm năng, thu hút ngày càng đông các nhà đầu tư nước ngoài, Bình Dương đã và đang triển khai hàng loạt giải pháp để đón thêm các dự án mới. Tỉnh sẽ tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa tối đa và công khai, minh bạch đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ hành chính. Thực hiện phương châm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo hiệu quả của các chính sách và năng lực của các cơ quan, đơn vị hành chính của tỉnh. Bên cạnh đó, Bình Dương đẩy mạnh ưu tiên các nguồn lực để tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất sạch; triển khai đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cung ứng đầy đủ, kịp thời nguồn lao động cho doanh nghiệp đến đầu tư; tập trung phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển công nghiệp, đô thị của tỉnh.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Bình Dương đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, xây dựng hệ

sinh thái mới để thúc đẩy phát triển. Chính sách kêu gọi đầu tư của Bình Dương đã có sự chuyển hướng sang thu hút đầu tư có chọn lọc các doanh nghiệp có công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, ưu tiên kinh tế số, kinh tế xanh nhằm tạo nên sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và tăng trưởng xanh, góp phần xây dựng thành phố thông minh Bình Dương vươn tầm quốc tế.

Với nỗ lực của các cấp chính quyền, tỉnh Bình Dương đã trở thành một điểm sáng của cả nước về thu hút nguồn vốn FDI để phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và các vùng lân cận, nâng cao mức thu nhập cho người dân, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

3.2.2. Kinh nghiệm thu hút vốn FDI của Hải Dương

Hải Dương nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng.

Trong những năm qua, tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở tỉnh Hải Dương có nhiều khởi sắc, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đầu tư nước ngoài đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị nông sản xuất khẩu, tiếp thu công nghệ tiên tiến, giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, tạo ra một số phương thức mới, có hiệu quả cao, phát triển nguồn nguyên liệu tại địa phương. Giai đoạn 1987 - 1990, Hải Dương chỉ mới có 2 dự án FDI, với tổng số vốn 6,9 triệu USD thì tính đến đầu tháng 1/2024, Hải Dương có 542 dự án FDI với tổng vốn đăng ký hơn 10,3 tỷ USD đến từ 27 quốc gia, vùng lãnh thổ. Tổng thu hút vốn FDI của tỉnh hiện đứng thứ 11 cả nước (Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Trong 27 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trên địa bàn, các nhà đầu tư đến từ các nước châu Á, chiếm 90%, còn lại là đến từ các nước châu Mỹ, châu Âu. Trong đó, Hồng Kông (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn nhất với số vốn đầu tư chiếm 40% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Nhật Bản chiếm 16,3%; thứ ba là Hàn Quốc chiếm 15,4%; thứ tư là Đài Loan (Trung Quốc) chiếm 7,8% tổng vốn đầu tư đăng ký... Tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 437 dự án, tổng vốn 8.672,6 triệu USD, chiếm 94% vốn đăng ký. Lĩnh vực dịch vụ có 42 dự án với số vốn 316,2 triệu USD, chiếm 3,4% tổng vốn đăng ký. Lĩnh vực nông nghiệp có 17 dự án với số vốn 226,9 triệu USD, chiếm 2,6% tổng vốn đăng ký.

Trong những năm tới, với chủ trương tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh tiếp tục hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng; đẩy mạnh và đổi mới công tác vận động, xúc tiến đầu tư. Đặc biệt, chú trọng công tác vận động xúc tiến đầu tư theo hướng trọng điểm, tăng cường xúc tiến đầu tư đối với các tập đoàn lớn, đa quốc gia; đồng thời, xây dựng kế hoạch xúc tiến cụ thể, phối hợp tham gia xúc tiến cùng các bộ ngành trung ương. Coi trọng công tác xúc tiến tại chỗ, tăng cường hỗ trợ cho các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư triển khai thuận lợi, nhanh chóng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư. Chủ động tiếp cận và tranh thủ thu hút vốn đầu tư từ các tập đoàn lớn của Nhật Bản, Hoa Kỳ và các nước Châu Âu...theo tiêu chí thu hút đầu tư chuyên từ “*lượng*” sang “*chất*”, không quá chú trọng số lượng, coi trọng chất lượng các dự án, đặc biệt là các dự án có hàm lượng công nghệ cao và có yếu tố chuyên gia công nghệ.

Bên cạnh đó, Hải Dương đã và đang tập trung đẩy mạnh thu hút dự án đầu tư có hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, sử dụng ít đất đai, lao động và nguồn lực, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong đó, Hải Dương xác định các ngành nghề, lĩnh vực trọng tâm gồm: Sản xuất các sản

phẩm công nghiệp phụ trợ, chế biến, chế tạo, điện tử; chế biến nông sản thực phẩm; lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ sinh học, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ môi trường, năng lượng sạch...

3.2.3. Bài học kinh nghiệm cho Bắc Ninh trong thu hút vốn FDI

Qua việc tìm hiểu quá trình thu hút dòng vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Hải Dương có thể rút ra một số kinh nghiệm để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Bắc Ninh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững như sau:

Một là, nâng cao nhận thức và sự nhất quán trong hành động của các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh về quy hoạch, xây dựng các cụm, khu công nghiệp. Cần có sự tuyên truyền vận động tốt để chính quyền địa phương, người dân trong vùng ảnh hưởng của KCN hỗ trợ tích cực trong công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và tham gia giám sát, quản lý hoạt động của các KCN. Với chính sách thỏa đáng, hợp lý, nó sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải tỏa để nhanh chóng triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và kêu gọi đầu tư. Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương cho người dân có đất bị thu hồi trong quá trình giải phóng mặt bằng cho các KCN để tiếp tục ổn định đời sống, có điều kiện chuyển đổi sang các nghề dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, tiếp nhận được các ảnh hưởng tích cực từ quá trình phát triển các KCN để tự tạo việc làm, ổn định lâu dài.

Hai là, chú trọng việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng. Cả hai tỉnh Bình Dương và Hải Dương đều quan tâm đến phát triển kết cấu hạ tầng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh thu hút vốn FDI. Bắc Ninh có thể tham khảo kinh nghiệm của tỉnh bạn để tiếp tục tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, theo kịp tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh nhà. Tỉnh cần lựa

chọn chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có năng lực tài chính, kinh nghiệm hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh nghiệm quản lý, và năng lực thu hút đầu tư. Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phải đảm bảo đồng bộ, đúng quy hoạch, đáp ứng tốt các yêu cầu về giao thông, điện, nước, thu gom xử lý nước thải... phục vụ cho hoạt động của các doanh nghiệp vào đầu tư, đảm bảo khu nhà ở của công nhân tại các cụm, khu công nghiệp và làm tốt công tác bảo vệ môi trường, không gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân.

Ba là, thực hiện quản lý đối với KCN theo cơ chế “*một cửa, tại chỗ*”. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số như tỉnh Bình Dương đã và đang triển khai trong những năm gần đây. Bắc Ninh có thể tham khảo kinh nghiệm của Bình Dương, vừa đảm bảo nâng cao vai trò và năng lực thực hiện chức năng quản lý trực tiếp đối với KCN và các doanh nghiệp của Ban Quản lý, vừa đảm bảo yêu cầu giải quyết nhanh gọn, chính xác, kịp thời các yêu cầu cấp thiết của doanh nghiệp đầu tư đan vướng mắc, khó khăn. Để thực hiện tốt cơ chế quản lý trên, phải nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ - công chức của Ban Quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính tạo môi trường làm việc thân thiện, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Bốn là, thu hút dự án đầu tư công nghệ cao, hiện đại vào địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, các tỉnh thu hút vốn FDI nói chung, Hải Dương và Bình Dương nói riêng, thu hút đầu tư phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, trong quá trình vận động thu hút đầu tư, bố trí dự án đầu tư trong tương lai, Bắc Ninh cần tuân thủ các quy định về ngành nghề thu hút đầu tư. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, công nghệ hiện đại, đồng thời đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo mục tiêu không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế.

CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO TỈNH BẮC NINH

4.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Tại Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc được tổ chức ở Brazil vào năm 1992 đã đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI. Theo đó, phát triển bền vững được xác định là: *“Một sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai”*. Ba trụ cột chính của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đã và đang có lộ trình ưu tiên thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, đặc biệt công nghệ thân thiện, an toàn với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác...

Hiện nay trên thế giới có sự thay đổi đáng kể về địa bàn thu hút đầu tư theo hướng nguồn vốn FDI chủ yếu được chảy vào các nước công nghiệp phát triển và chính các nước này cũng là những nước xuất khẩu vốn FDI chủ yếu trên thế giới. Do nhiều nguyên nhân trong đó do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã làm xuất hiện nhiều ngành sản xuất mới với những sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao, do đó cần vốn đầu tư rất lớn trong lĩnh vực này các nước công nghiệp phát triển nắm độc quyền những ngành công nghệ mũi nhọn và chỉ có họ mới có đủ khả năng tiếp nhận FDI trong lĩnh vực này. Khối lượng lợi nhuận siêu ngạch thu được từ các ngành công nghiệp mũi nhọn là rất lớn nên đã tạo ra lực hấp dẫn mạnh mẽ đối với FDI chảy vào các nước công nghiệp phát triển. Hơn nữa do tiến bộ khoa học

kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nên ý nghĩa của yếu tố lao động rẻ và nguyên liệu giảm đi, đồng thời khả năng tiếp nhận FDI của các nước đang và chậm phát triển hạn chế nên các nước công nghiệp phát triển tăng cường đầu tư lẫn nhau. Như vậy đã hình thành nên một xu hướng cơ bản là vốn đầu tư được đầu tư luân chuyển chủ yếu giữa các nước phát triển với nhau.

Nắm bắt được xu hướng chuyển dịch này, tỉnh Bắc Ninh đã và đang tạo mọi điều kiện tốt nhất để các nhà đầu tư đến đầu tư và sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Ủy ban Nhân dân tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tăng cường công tác xúc tiến, vận động thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, thân thiện, gắn gũi với môi trường, có tiềm năng đóng góp, tạo sức lan tỏa, chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Trong thời gian qua, tỉnh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở hoàn thiện Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Tích cực triển khai các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch liên quan khác, chuẩn bị sẵn sàng về nguồn nhân lực, mặt bằng. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật các KCN và các cụm công nghiệp theo quy hoạch, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý dự án sau đầu tư.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Sau hơn 35 năm mở cửa hội nhập quốc tế, đón nhận ba làn sóng lớn đầu tư nước ngoài, đến nay vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ và là nguồn lực quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội; tạo động lực phát triển các khu vực kinh tế của Việt Nam. Tính đến 20/12/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,61 tỷ USD, tăng

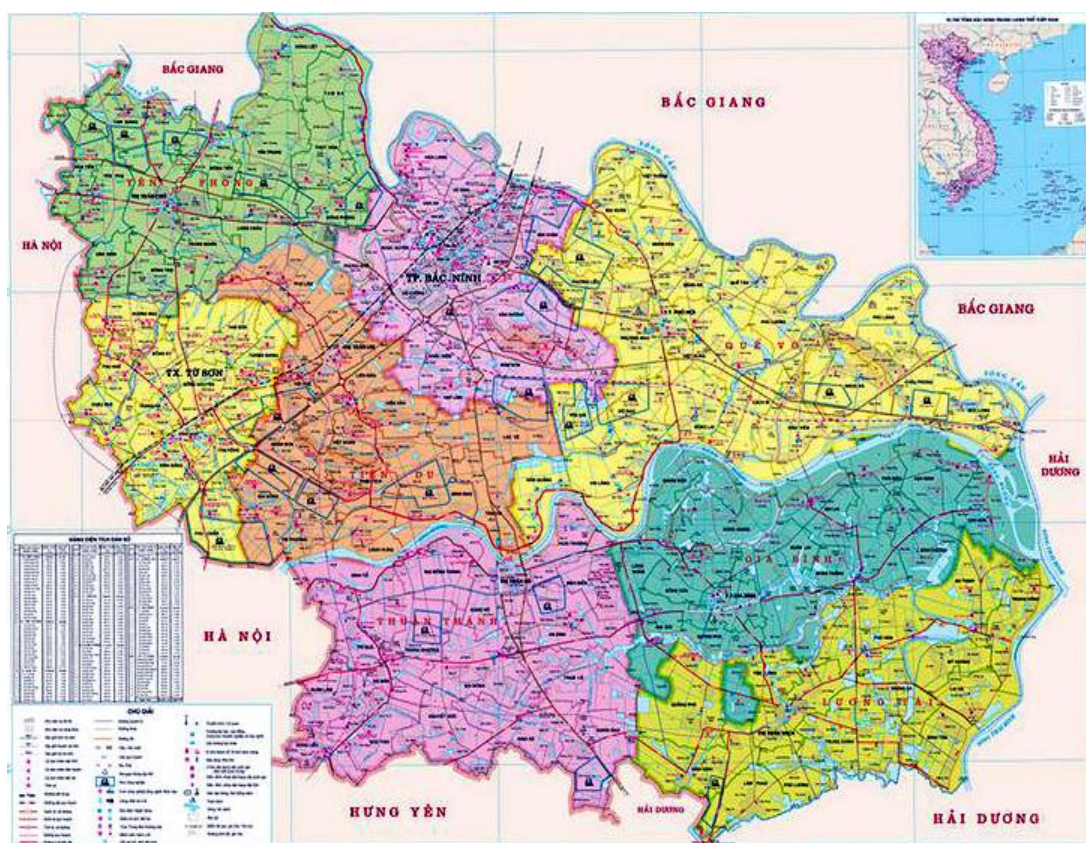
32,1% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2022. Tính lũy kế đến ngày 20/12/2023, cả nước có 39.140 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 468,9 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 297,2 tỷ USD, bằng 63,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 23,5 tỷ USD, chiếm 64,2% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 39,9% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư gần 4,67 tỷ USD, chiếm hơn 12,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 4,8% so với cùng kỳ. Các ngành sản xuất, phân phối điện; tài chính ngân hàng xếp thứ 3 và 4 với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt hơn 2,37 tỷ USD (*tăng 4,9%*) và gần 1,56 tỷ USD (*gấp gần 27 lần*). Còn lại là các ngành khác. Trong năm 2023, đã có 111 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 6,8 tỷ USD, chiếm 18,6% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 5,4% so với cùng kỳ 2022; Nhật Bản đứng thứ hai với gần 6,57 tỷ USD, chiếm hơn 17,9% tổng vốn đầu tư, tăng 37,3% so với cùng kỳ. Hồng Kông đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,68 tỷ USD, chiếm gần 12,8% tổng vốn đầu tư, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ. Tiếp theo là Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan,...

Số lượng dự án đăng ký và giá trị vốn FDI vào Việt Nam thời gian qua tăng trưởng rất tốt. Tuy nhiên, thu hút FDI hiện nay tại Việt Nam chưa thực sự chủ động, chưa chọn lọc thu hút các dự án FDI có hàm lượng công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ mức độ ô nhiễm môi trường. Nhiều dự án FDI là ngành sản xuất thô, tính gia công cao, mức độ phát thải lớn, giá trị gia tăng thấp, thiếu những ngành công nghiệp mang tính nền tảng như: công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao. Năng lực phòng ngừa, kiểm soát, bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp FDI còn nhiều bất cập... Vì vậy, trong xu hướng phát

triển như hiện nay, Việt Nam cần ưu tiên thu hút FDI một số ngành và sản phẩm công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển kinh tế bền vững như công nghệ thông tin, điện tử, cơ khí chế tạo, tự động hóa, công nghệ sinh học, vật liệu mới...

4.1.3. Bối cảnh kinh tế - xã hội của Bắc Ninh

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH



Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh nằm ở cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, gần sân bay quốc tế Nội Bài, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của cả nước: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Bắc Ninh có nhiều tiềm năng thuận lợi và văn hóa phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng. Bắc Ninh nhiều lợi thế về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thành phố Bắc Ninh cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 30 km, cách sân bay Quốc tế Nội Bài 45 km, cách Hải Phòng 110 km. Với vị trí địa kinh tế thuận

lợi sẽ là yếu tố phát triển quan trọng và là một trong những tiềm lực to lớn cần được phát huy một cách triệt để nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy quá trình đô thị hoá của tỉnh Bắc Ninh. Xét trên khía cạnh cấu trúc hệ thống đô thị và các điểm dân cư của tỉnh thì các đô thị Bắc Ninh sẽ dễ trở thành một hệ thống hoà nhập trong vùng ảnh hưởng của thủ đô Hà Nội và có vị trí tương tác nhất định với hệ thống đô thị chung toàn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Do nắm bắt được xu thế phát triển và hội nhập của đất nước nên tỉnh đã sớm định hình hướng đi và gặt hái được nhiều quả ngọt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội hướng tới mục tiêu bền vững. Nếu như tại thời điểm tái lập tỉnh năm 1997, Bắc Ninh chỉ có 4 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 177,6 triệu USD thì trong năm 2023, trên địa bàn toàn tỉnh cấp mới cho 381 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.104,86 triệu USD; điều chỉnh vốn cho 164 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 650,44 triệu USD. Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Bắc Ninh thu hút mới 244 dự án FDI (tăng 75,5% so với cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký 1,102 tỷ USD. Trong đó, các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Trung Quốc 157 dự án; Hồng Kông 30 dự án; Singapore 23 dự án. Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 77 dự án, với số vốn điều chỉnh tăng 1,526 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 26 lượt với 29,3 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 2.347 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư được cấp phép đạt 27,673 tỷ USD.

Hiểu được vai trò quan trọng của dòng vốn FDI, những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động tập trung xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, đặc biệt có nhiều sáng kiến được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao như: trung tâm hành chính công cấp tỉnh, huyện; đối thoại doanh nghiệp nhỏ và vừa; mô hình Bác sĩ doanh nghiệp; công bố Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh (Chỉ số DDCI)...

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Bắc Ninh sớm có những dự án quy hoạch nhiều khu công nghiệp đồng bộ; làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư... Sự năng động cùng nỗ lực không mệt mỏi đã đưa những cánh đồng quê Bắc Ninh trở thành các khu công nghiệp tập trung hiện đại, mở ra thời kỳ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Với phương châm lấy niềm tin, sự hài lòng của doanh nghiệp làm mục tiêu cốt lõi để thúc đẩy phát triển kinh tế, các cấp chính quyền của tỉnh Bắc Ninh đã không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Để nâng cao chất lượng dòng vốn FDI, tỉnh sẽ chuyển hướng thu hút đầu tư FDI theo tiêu chí “*ba cao*” là công nghệ cao, môi trường cao, ngân sách cao và “*hai ít*” là sử dụng ít đất, ít lao động. Theo đó, tỉnh sẽ ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành có công nghệ cao, công nghệ nguồn, gia tăng xuất khẩu, thu hút các ngành gắn gũi, thân thiện với môi trường hướng đến phát triển bền vững.

4.2. Thực trạng thu hút vốn FDI tại tỉnh Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2023

Bắc Ninh không những được biết đến là vùng đất Kinh Bắc giàu truyền thống văn hóa mà còn là một trong những điểm sáng về thu hút FDI của cả nước. Tỉnh đã gặt hái được nhiều thành công trong thu hút các dự án lớn từ các tập đoàn đa quốc gia, đã tạo thương hiệu, chất “xúc tác” hấp dẫn cho các nhà đầu tư khác về với tỉnh. Kết quả này đã đưa Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng vùng Thủ đô và vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ, đóng góp tích cực cho tăng trưởng chung của cả nước. Tỉnh luôn ưu tiên xúc tiến đầu tư “tại chỗ” thông qua các doanh nghiệp FDI đang hoạt động liên tục mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất. Điển hình là Tập đoàn Samsung sau nhiều lần tăng vốn đạt 9,2 tỷ USD, chiếm 46,5% tổng vốn FDI tại tỉnh. Tỉnh rất coi trọng hỗ trợ DN sau đầu tư, triển khai hiệu quả mô hình “*Bác sĩ DN*” và “*Tổ công tác hỗ trợ DN*”, thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại, gặp mặt DN, nhà đầu

tur, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN. Chủ động nắm bắt cơ hội cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và phát huy giá trị bản sắc văn hóa Kinh Bắc, nâng cao chất lượng quản lý điều hành phù hợp với quá trình chuyển đổi số, quản trị điện tử, đô thị thông minh... Với cơ chế chính sách đổi mới, sáng tạo, Bắc Ninh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư đến từ 37 quốc gia và vùng lãnh thổ có nền sản xuất công nghiệp tiên tiến, hiện đại, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ... Để đón bắt cơ hội làn sóng đầu tư nước ngoài tiếp tục chuyển dịch, với thông điệp “4 sẵn sàng”: Sẵn sàng về mặt bằng đầu tư; Sẵn sàng về nhân lực; Sẵn sàng cải cách và Sẵn sàng hỗ trợ, chắc chắn, Bắc Ninh sẽ tiếp tục là “điểm đến” hấp dẫn và điểm dừng chân của nhiều dự án đầu tư lớn trong và ngoài nước.

4.2.1. Về số lượng các dự án đầu tư FDI

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá phát triển nhanh như hiện nay, việc đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI được coi là một trong những biện pháp khai thác ngoại lực hiệu quả nhằm thúc đẩy nội lực để phát triển kinh tế – xã hội của các tỉnh nói riêng và của các quốc gia nói chung. Bắc Ninh được biết đến là tỉnh sớm có định hướng trong thu hút nguồn ngoại lực quan trọng này, đặc biệt, tỉnh nhanh chóng triển khai thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, với lợi thế về vị trí địa lý cùng khả năng liên kết vùng, khu vực thuận lợi, nguồn nhân lực chất lượng và sự năng động của lãnh đạo tỉnh, những năm qua, Bắc Ninh đã thu hút có hiệu quả dòng vốn FDI. Tính đến hết quý II năm 2024, Bắc Ninh đã cấp mới đăng ký và điều chỉnh vốn đầu tư cho 318 dự án với tổng số vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn là 3,47 tỷ USD. Số dự án FDI đầu tư vào tỉnh Bắc Ninh có xu hướng tăng nhanh qua các năm. Từ năm 2015 đến năm 2023, số dự án được cấp mới tăng gấp 3 lần. Trong năm 2015, tỉnh thu hút được 133 dự án thì đến năm 2023 có thêm 381 dự án được cấp mới. Lũy kế số dự án còn hiệu lực tăng từ 716 dự án năm 2015 lên 2137 dự

án năm 2023, tăng gấp 3 lần. Hai năm 2020, 2021, do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, gây nên sự đứt gãy nền kinh tế trên toàn cầu, việc thu hút các dự án mới cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, ngay sau khi kiểm soát được dịch bệnh, để giúp các doanh nghiệp bắt tay nhanh vào triển khai khôi phục sản xuất phù hợp với trạng thái bình thường mới, tỉnh Bắc Ninh đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, tháo gỡ “nút thắt” cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn. Trong đó bám sát thực tế hoạt động của các doanh nghiệp để điều chỉnh linh hoạt, giúp doanh nghiệp tổ chức lại hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid - 19. Nhờ sự thích ứng linh hoạt, an toàn với đại dịch Covid - 19, trong những năm gần đây, sau đại dịch Covid - 19, tỉnh đã tập trung khắc phục những tác động tiêu cực, nghiêm trọng và sâu rộng của dịch bệnh Covid - 19 đến sự phát triển. Tỉnh đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong việc tiếp cận nguồn vốn, tín dụng, tài chính, thuế, phí, thương mại, thanh toán điện tử, thủ tục hành chính... Ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ phù hợp với các nhóm ngành chịu ảnh hưởng lớn và các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu. Qua đó, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương thu hút vốn FDI. Năm 2022, 2023 tỉnh đã thu hút được nhiều dự án đầu tư mới. Với nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương, năm 2023 đã có nhiều khởi sắc mới, toàn tỉnh thu hút được 381 dự án cấp mới, nâng số dự án còn hiệu lực hoạt động lên 2137 dự án.

**Bảng 4.1: Bảng thống kê số dự án FDI cấp mới ở Bắc Ninh từ năm 2015
đến năm 2023**

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
<i>Số dự án cấp mới</i>	133	168	176	172	165	155	129	150	381
<i>Lũy kế</i>	716	952	1064	1300	1496	1607	1717	1799	2137

Nguồn: Tổng hợp theo số liệu Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh

4.2.2. Về tổng số vốn FDI

Những năm qua nguồn vốn FDI đổ vào Bắc Ninh đã góp phần giải quyết thiếu hụt về vốn trong quá trình phát triển sản xuất, kinh doanh của tỉnh. Cùng với những lợi thế của mình nguồn vốn này đã trở thành chìa khóa vàng, tạo bước đột phá để phát triển kinh tế góp phần quan trọng giúp Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng vùng Thủ đô và cũng là vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ. Nếu như đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh có hơn 700 dự án FDI với số vốn đăng ký khoảng 11,7 tỷ USD thì đến quý II năm 2024, tỉnh Bắc Ninh thu hút mới 244 dự án FDI (tăng 75,5% so với cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký 1,102 tỷ USD. Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 77 dự án, với số vốn điều chỉnh tăng 1,526 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 26 lượt với 29,3 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 2.347 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư được cấp phép đạt 27,673 tỷ USD (Theo báo cáo của Cục Thống kê).

Riêng hai năm 2020 – 2022, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid – 19 đến các mặt của đời sống xã hội và hầu hết các ngành kinh tế, từ đó doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Tỉnh Bắc Ninh đã quyết tâm

thực hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch, vừa bảo đảm duy trì các hoạt động kinh tế cần thiết; trong đó, tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc thu hút vốn FDI. Tổng số vốn đăng ký có giảm so với những năm trước đó. Mức sụt giảm này đã thể hiện rõ khó khăn chung trong ngắn hạn của nền kinh tế thế giới. Đó là xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các quốc gia phát triển có dấu hiệu chững lại, nên Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng cũng chịu ảnh hưởng trong thu hút nguồn vốn FDI. Đặc biệt, nếu năm 2019, tổng số vốn đăng ký là 2.271,6 triệu USD thì đến giai đoạn đầu của đại dịch, tổng số vốn đăng ký năm 2020 là 850,2 triệu USD. Trong bảng thống kê, nhận thấy số vốn đăng ký giai đoạn 2020 – 2022 có xu hướng giảm rõ rệt, nhưng tổng số vốn thực hiện lại cao hơn số vốn đăng ký, nguyên nhân có tỷ lệ này là do vốn của các nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Bắc Ninh, ngoài các dự án đầu tư mới còn bao gồm các dự án đầu tư còn hiệu lực từ những năm trước đã tiếp tục đầu tư thêm vốn để mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời điểm hiện tại. Do kiểm soát tốt dịch bệnh, môi trường chính trị ổn định và nhiều chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư nước ngoài của Chính phủ, các địa phương, nên trong thời gian vừa qua, mặc dù tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có sự sụt giảm, nhưng vốn đầu tư thực hiện kể cả những năm bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 ở Bắc Ninh vẫn không bị sụt giảm mạnh như vốn đăng ký.

Bảng 4.2: Bảng thống kê tổng vốn FDI đăng ký, vốn FDI thực hiện tại Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2023

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
<i>Tổng vốn đăng ký</i>	3.574,0	911,9	3.490,8	1.442,9	2.271,6	850,2	1.171,3	419,0	1.104,9
<i>Tổng vốn thực hiện</i>	1.576,5	1.976,9	4.101,0	2.345,2	1.527,9	1.407,8	1.672,6	2.124,0	1.676,2

Nguồn: Tổng hợp theo số liệu Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh

4.2.3. Về đối tác đầu tư

Bắc Ninh có diện tích đất là 822,7 km², nhỏ nhất trong cả nước, cho nên Bắc Ninh nhất quán với quan điểm thu hút đầu tư có chọn lọc. Bắc Ninh ưu tiên cho các dự án theo tiêu chí: Hai ít, đó là sử dụng ít đất và sử dụng ít lao động nhất. Đây cũng là đặc điểm phù hợp với những nhà đầu tư đưa các công nghệ mới hiện đại vào tỉnh, đồng hành với tiêu chí ba cao: Vốn đầu tư cao, hiệu quả kinh tế cao, hàm lượng công nghệ cao. Bắc Ninh cũng đẩy mạnh thực hiện tiêu chí 4 sẵn sàng: Sẵn sàng về mặt bằng đầu tư, sẵn sàng về nhân lực, sẵn sàng cải cách, sẵn sàng hỗ trợ để nâng cao hiệu quả thu hút nguồn ngoại lực quan trọng. Với phương châm “*sự thành công của doanh nghiệp cũng là thành công của Bắc Ninh*”, tỉnh luôn lắng nghe, đối thoại và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Điều này đã giúp Bắc Ninh giữ vững vị thế là điểm đến hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư quốc tế,

đồng thời bảo tồn được giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc Việt Nam. Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã không ngừng đầu tư kết cấu hạ tầng hiện đại, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thông thoáng, góp phần tạo nền tảng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đầu tư cho phát triển trong tương lai.

Hiện nay, toàn tỉnh Bắc Ninh có 16 khu công nghiệp tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển với tổng diện tích 6.397,68 ha. Trong đó, 12/16 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động; 15 khu công nghiệp đã được thành lập với diện tích 5.899,22 ha; tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất công nghiệp cho thuê theo quy hoạch đạt 58,86%.

Đồng thời, Bắc Ninh có nhiều đổi mới, sáng tạo trong cơ chế chính sách, trong giai đoạn 2015 – 2023, tỉnh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư đến từ 37 quốc gia và vùng lãnh thổ có nền sản xuất công nghiệp tiên tiến, hiện đại như: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ... Trong đó, Hàn Quốc là quốc gia có số dự án và vốn đầu tư nhiều nhất với 595 dự án đầu tư còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 13,8 tỷ USD, chiếm khoảng 64% tổng vốn đầu tư nước ngoài tại các khu công nghiệp; tiếp theo là Nhật Bản 79 dự án, vốn 1,34 tỷ USD; Đài Loan và các quốc gia khác. Công nghiệp điện tử là ngành mũi nhọn với tỷ trọng chiếm hơn 80% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Ngành công nghiệp này đã khẳng định vai trò vững chắc làm “đầu tàu” cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Các doanh nghiệp đến với Bắc Ninh đều cảm nhận được sự đồng hành của chính quyền, nhân dân địa phương trong những hoạt động của mình và ngược lại. Hàng năm, tỉnh đều tổ chức các buổi gặp mặt, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp. Qua đó, lãnh đạo tỉnh và doanh nghiệp hiểu nhau hơn để cùng nhau đổi mới phương thức, hình thức làm việc với nhau. Đặc biệt, điều này đã giúp cho tỉnh tiến hành những nội dung công tác xúc tiến đầu tư có hướng trọng tâm, trọng điểm hơn đồng thời

gắn với xây dựng hình ảnh đặc trưng của tỉnh nhằm thu hút các dự án lớn, từ đó tạo sức hút lan toả trong thu hút các dự án vệ tinh hỗ trợ khác. Song song với đó, tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp địa phương đẩy mạnh giao thương, mở rộng thị trường; cải cách các thủ tục hành chính, có nhiều chính sách ưu đãi, tạo môi trường đầu tư thông thoáng cho các doanh nghiệp vào làm việc.

4.3. Đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh

4.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, tạo nguồn vốn quan trọng phát triển kinh tế - xã hội

Nguồn vốn FDI được coi là nguồn ngoại lực quan trọng, chiếc chìa khóa vàng cần thiết cho sự phát triển của đất nước nói chung cũng như của tỉnh nói riêng. Những năm qua nguồn vốn FDI đổ vào Bắc Ninh đã góp phần giải quyết thiếu hụt về vốn trong quá trình phát triển sản xuất, kinh doanh của tỉnh. Cùng với những lợi thế của mình nguồn vốn này đã trở thành chìa khóa vàng, tạo bước đột phá để phát triển kinh tế góp phần quan trọng giúp Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng vùng Thủ đô và cũng là vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ. Nếu như đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh có hơn 700 dự án FDI với số vốn đăng ký khoảng 11,7 tỷ USD thì đến quý II năm 2024, tỉnh Bắc Ninh thu hút mới 244 dự án FDI (tăng 75,5% so với cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký 1,102 tỷ USD. Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 77 dự án, với số vốn điều chỉnh tăng 1,526 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 26 lượt với 29,3 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 2.347 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư được cấp phép đạt 27,673 tỷ USD (Theo báo cáo của Cục Thống kê).

Việc thu hút nguồn vốn FDI không chỉ cho phép Bắc Ninh phát huy những lợi thế, tiềm năng của mình mà quan trọng hơn là đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vật chất của nhân dân trong tỉnh. Từ hiệu quả của nguồn vốn, tỉnh đã tập trung đầu tư

phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút những dự án mới, có công nghệ cao hướng tới mục tiêu vào năm 2030, tỉnh Bắc Ninh có 25 khu công nghiệp, trong đó ưu tiên phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp đa chức năng đồng bộ, chất lượng cao; khuyến khích xây dựng các mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp đô thị - dịch vụ; nghiên cứu chuyển đổi 1 - 2 khu công nghiệp hiện hữu sang mô hình khu công nghiệp sinh thái nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hình thành các ngành kinh tế mũi nhọn

Yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ là đòi hỏi của bản thân sự phát triển nội tại nền kinh tế mà nó còn là đòi hỏi của xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ. Thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, các quốc gia sẽ ngày càng tham gia nhiều vào quá trình phân công lao động quốc tế. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia phù hợp với trình độ phát triển chung trên thế giới sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI, ngược lại chính FDI lại thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Có thể nói đóng góp quan trọng nhất của việc thu hút nguồn vốn FDI vào Bắc Ninh thời gian qua là đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Nhờ sự tăng trưởng nhanh chóng của FDI trong công nghiệp, cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch rất mạnh mẽ theo hướng tăng không ngừng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP.

Tác động tích cực của FDI tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh còn biểu hiện thông qua thúc đẩy sự hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Sự bổ sung về vốn đầu tư FDI đối với công

ngành Bắc Ninh thời gian qua đã tạo ra những điều kiện mới cho sự khai thác những tiềm năng của tỉnh, từng bước hình thành những lợi thế mới trong hệ thống phân công lao động quốc tế. Việc phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực đã giúp tỉnh xác định rõ hơn các ngành sản xuất chủ lực để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ba là, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong những năm qua dòng vốn FDI đã có nhiều tác động tích cực tới giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người lao động. FDI được thực hiện thông qua các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp FDI, từ đó thu hút lao động vào các doanh nghiệp đó. Trong những năm qua, các doanh nghiệp FDI ở tỉnh Bắc Ninh đã góp phần giải quyết việc làm với mức độ nhất định, số lượng việc làm trực tiếp trong các doanh nghiệp FDI liên tục tăng lên, góp phần tích cực vào giải quyết việc làm cho dân cư tỉnh Bắc Ninh.

Nếu trong năm 2015, toàn tỉnh Bắc Ninh giải quyết việc làm cho 179.154 lao động làm việc tại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, đến năm 2019, các dự án FDI đã giải quyết việc làm cho 289.234 lao động FDI. Tính đến hết năm 2023, có 280.807 lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân tại địa phương và các vùng lân cận. Qua số liệu thống kê, nhận thấy số lao động làm việc tại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài liên tục tăng qua các năm. Điều này, cho thấy các doanh nghiệp FDI đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

Bảng 4.3. Số lao động làm việc tại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

<i>Năm</i>	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
<i>Người</i>	179.154	202.154	234.279	269.235	289.234	284.578	204.447	219.012	280.807

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh

Sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI đã kéo theo sự phát triển của các ngành khác như kết cấu hạ tầng và dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, từ đó tạo nhiều việc làm mới cho lao động trên địa bàn tỉnh. Có thể nói, vốn đầu tư FDI đã tạo cơ hội cho người dân có thêm khả năng tìm kiếm và tự tạo việc làm, mở mang ngành nghề, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, đồng thời đã tạo cơ hội và điều kiện cho sự hình thành và phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp FDI không những góp phần giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động ngày càng lớn, mà còn góp phần làm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực, kể cả lao động quản lý và kỹ năng của người lao động trực tiếp theo phương pháp công nghiệp thông qua việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân ở các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Từ đó, hình thành đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, tác phong công nghiệp hiện đại, kỷ luật lao động tốt...

4.3.2. Một số tồn tại trong thu hút vốn FDI ở tỉnh Bắc Ninh và nguyên nhân

4.3.2.1. Những tồn tại

Bên cạnh những kết quả tích cực đối với kinh tế - xã hội, hoạt động của các dự án FDI tại Bắc Ninh cũng đang thể hiện những hạn chế nhất định:

Thứ nhất, sự phát triển kinh tế của tỉnh đang phụ thuộc vào vốn FDI

Cho đến nay tăng trưởng kinh tế của tỉnh phụ thuộc chủ yếu vào tăng trưởng của công nghiệp, trong đó FDI đang chiếm tỷ trọng quá lớn trong giá

trị sản xuất, giá trị gia tăng, xuất nhập khẩu cũng như đóng góp cho ngân sách. Do đó, những biến động không thuận lợi trong hoạt động của FDI dễ gây tác động tới ổn định và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Sự phụ thuộc này dẫn đến tốc độ tăng trưởng của tỉnh cao nhưng chưa đảm bảo sự bền vững, do FDI phụ thuộc nhiều vào chính sách vĩ mô như chính sách thuế, xuất khẩu, tiêu dùng... và chịu sự tác động nhạy cảm của khủng hoảng kinh tế thế giới.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng chưa theo kịp sự phát triển

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh phát triển nhanh, vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh lớn. Tuy nhiên, các thiết chế hạ tầng kỹ thuật - xã hội chưa theo kịp tốc độ phát triển dẫn đến tình trạng quá tải. Một số cụm công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ hoặc chất lượng thấp không đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng... không đủ nguồn lực để thực hiện công tác quản lý nhà nước, quản lý hạ tầng kỹ thuật, quản lý xây dựng, quản lý dịch vụ tiện ích, quản lý doanh nghiệp đầu tư thứ cấp, quản lý môi trường... Hơn nữa, sự gia tăng lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh liên tục đặt ra nhiều vấn đề xã hội như nhà ở cho công nhân, y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông...

Thứ ba, thu hút công nghệ cao trong sản xuất còn hạn chế

Vấn đề liên kết chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài diễn ra còn chậm. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm chưa được như kỳ vọng. Bản thân các dự án FDI đang sử dụng công nghệ trình độ trung bình so với thế giới, công tác nghiên cứu và triển khai chưa thực sự được chú trọng. Do đó, những mong đợi chuyển giao công nghệ từ FDI để đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế trong những năm qua về cơ bản chưa được đáp ứng trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh các giải pháp để thu hút các dự án công nghệ cao, hiện đại hướng tới mục tiêu phát triển bền vững kinh tế với ba trụ cột quan

trọng: kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ tư, vấn đề việc làm và chất lượng nguồn nhân lực chưa được nâng cao

Theo số liệu thống kê, năm 2017, có 1,5% lao động làm việc cho doanh nghiệp FDI không có hợp đồng lao động. Ngoài ra, theo phản ánh từ cơ sở, để tránh nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động, một số chủ sử dụng lao động đã ký hợp đồng dịch vụ, tư vấn, cộng tác viên... với người lao động, dù trên thực tế là tuyển để làm các công việc thường xuyên. Các điều khoản trong hợp đồng lao động có tình trạng ghi chung chung, không cụ thể, khi có tranh chấp rất khó giải quyết. Hơn nữa, số giờ làm thêm tại các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp tương đối lớn, bình quân mỗi lao động làm thêm 275,8 giờ/năm. Số giờ làm thêm đặc biệt cao tại các doanh nghiệp dệt may, da giày, điện tử. Không ít doanh nghiệp có số giờ làm thêm trên 500-600 giờ/năm.

Sự hoạt động của các doanh nghiệp FDI chưa tạo được nhiều việc làm cho nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là cho khu vực nông thôn, đóng góp vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của FDI còn hạn chế. Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội như Công đoàn rất khó khăn. Một số DN còn chưa chú trọng tới công tác đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Trong các doanh nghiệp FDI vẫn còn hiện tượng tranh chấp lao động, đình công, thu nhập bình quân của người lao động chưa cao, một số DN chưa thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

Thứ năm, doanh nghiệp FDI chưa quan tâm đến bảo vệ môi trường

Trong quá trình sản xuất, vẫn còn các doanh nghiệp FDI có tác động xấu đến môi trường làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững. Mặc dù các doanh nghiệp FDI thường có trình độ công nghệ cao hơn so với khu vực kinh tế trong nước. Tuy nhiên, do sự hình thành của các doanh nghiệp FDI chịu tác động đáng kể của xu hướng chuyển dịch

cơ cấu kinh tế tại các nước phát triển theo hướng loại bỏ dần những ngành truyền thống với những công nghệ có ảnh hưởng không tốt tới môi trường, cho nên hoạt động của các doanh nghiệp FDI trong công nghiệp ở Bắc Ninh nói riêng và ở nước ta nói chung vẫn có tác động không nhỏ tới môi trường sinh thái. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp Bắc Ninh thường chưa tập trung vào các dự án xử lý môi trường, vẫn còn trình trạng một số doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp vi phạm xả nước thải có chứa thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, rác thải tồn đọng tại các khu, cụm công nghiệp gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, mất đa dạng sinh học... ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân.

4.3.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại

Thứ nhất, từ phía chủ thể các dự án FDI

Xuất phát từ bản chất và động cơ tìm kiếm lợi nhuận cao, các nhà đầu tư FDI luôn hướng vào lựa chọn các hoạt động kinh doanh mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, vòng quay của vốn nhanh, kể cả khi hoạt động đó không hoàn toàn phù hợp với những mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh. Bên cạnh đó, khi quản lý về FDI của chính quyền sở tại yếu kém, hệ thống pháp luật lỏng lẻo, không nghiêm, các nhà đầu tư FDI thường xuyên tìm cách lách luật, cố tình làm trái luật...từ đó gây tác động xấu đến phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn đầu tư.

Thứ hai, về phía các cấp chính quyền địa phương

Vẫn còn tồn tại một số bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước như sự thiếu hụt về chiến lược và định hướng về thu hút, sử dụng và quản lý FDI mang tính nguyên tắc và ở tầm dài hạn; Hệ thống pháp luật, chính sách về đầu tư, kinh doanh vẫn còn một số điểm thiếu đồng bộ và không rõ ràng; chưa có các chế tài đủ mạnh để xử lý các dự án chậm tiến độ, nhiều lần giãn tiến độ hoặc tự ý dừng, chấm dứt dự án đầu tư...; Chính sách ưu đãi và định

hướng ưu đãi doanh nghiệp FDI thiếu ổn định, thiếu nhất quán giữa các giai đoạn phát triển; Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư không thống nhất, nằm rải rác ở các văn bản khác nhau (ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, tiền thuê đất...) gây khó khăn trong việc xác định ưu đãi cho các dự án; Cơ chế, chính sách về đất đai có những thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... Những nguyên nhân này đã và đang ảnh hưởng xấu tới môi trường đầu tư, gây cản trở cho việc thu hút, sử dụng và phát huy tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp tỉnh ở nước ta nói chung và ở tỉnh Bắc Ninh nói riêng.

Thứ ba, từ thực tiễn thu hút vốn FDI tại Bắc Ninh

Trong quá trình phân tích thực tiễn hoạt động của nguồn vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cho thấy, việc phát huy tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội những năm qua chưa được thực hiện tốt như mong muốn, phần nhiều do các nguyên nhân xuất phát từ những điều kiện cụ thể của tỉnh. Bắc Ninh là tỉnh có điểm xuất phát thấp, để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội cần tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư trong, ngoài tỉnh và đặc biệt là dòng vốn FDI. Do đó, trong thời kỳ đầu tỉnh đã cố gắng tăng cường các biện pháp thu hút FDI, vấn đề chọn lọc các dự án có chất lượng chưa được quan tâm đúng mức. Mặc dù công tác quản lý FDI có nhiều đổi mới, song cho đến nay, đối với hầu hết các dự án FDI đã thu hút và hoạt động trên địa bàn tỉnh, công tác đánh giá hiệu quả chưa được thực hiện thường xuyên và định kỳ, không ít vướng mắc từ phía các nhà đầu tư FDI chậm được nghiên cứu, giải quyết, gây cản trở cho hoạt động đầu tư và phát huy tác động tích cực.

Trong những năm qua, Bắc Ninh đã tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thực hiện nâng cấp, xây dựng mới và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ

tầng kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh và thu hút đầu tư, trong đó có FDI, tuy nhiên chất lượng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các KCN đến nay vẫn chưa đồng bộ, dịch vụ logistics chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của các nhà đầu tư. Các KCN trên địa bàn tỉnh chậm hình thành khu nhà ở công nhân cũng như hệ thống nhà xưởng có sẵn cho thuê, để thu hút các DN nhỏ và vừa, các DN hỗ trợ vào đầu tư tại tỉnh. Hơn nữa, công tác đào tạo nghề và hỗ trợ, giúp đỡ người lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI còn hạn chế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khá cao nhưng nhìn chung chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của DN, vẫn còn thiếu hụt về nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ hiện đại. Người lao động còn thiếu tính chuyên nghiệp, tác phong làm việc, tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm phần nào chưa đáp ứng được các hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

CHƯƠNG 5: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO TỈNH BẮC NINH HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

5.1. Quan điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Bắc Ninh

Để đạt mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào năm 2027. Mục tiêu đến năm 2030 đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương; là trung tâm kinh tế, văn hóa năng động của khu vực phía Bắc; một trong những cực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, kết nối chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Để đạt được những mục tiêu trên, các cấp ủy, chính quyền, các sở, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị trong tỉnh cần tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo. Đặc biệt, sau đại dịch Co-vid 19 dòng vốn FDI có nhiều biến động. Vì vậy, việc thu hút dòng vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới cần quán triệt các quan điểm:

Một là, kế hoạch thu hút, sử dụng và quản lý nguồn vốn FDI của tỉnh phải được thiết kế trong khuôn khổ chiến lược chung của cả nước, đồng bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược này có vai trò tương hỗ với các chiến lược liên quan, trong đó có việc định hướng các mục tiêu như: phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đồng bộ thị trường, phát triển nguồn nhân lực, cải cách thủ tục hành chính...

Hai là, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX) và quan điểm chỉ đạo nhất quán của Chính phủ

“không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế gây ảnh hưởng người dân”, tỉnh Bắc Ninh chủ trương phát triển kinh tế theo hướng bền vững. Ưu tiên thu hút đa dạng các dự án đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hàm lượng tri thức cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; có sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh, có đóng góp cho ngân sách địa phương; tập trung thu hút các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ trên tinh thần khuyến khích tỷ lệ nội địa hóa cao, ưu tiên phát triển các dự án có lợi thế cạnh tranh, các sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu...; các dự án phát triển hạ tầng đô thị; các dự án thương mại dịch vụ có giá trị gia tăng cao; dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn sử dụng công nghệ cao; đồng thời hạn chế tối đa hoặc không thu hút đầu tư đối với các dự án tiêu tốn, lãng phí năng lượng, tài nguyên; sử dụng công nghệ lạc hậu; gây ô nhiễm môi trường;

Ba là, cùng với việc thu hút nguồn vốn FDI cần phải quan tâm quản lý hoạt động FDI sau cấp giấy chứng nhận đầu tư, sử dụng có hiệu quả nguồn FDI, hạn chế tối đa các hệ quả của nguồn vốn này. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với FDI; tăng cường sự phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh trong thu hút, sử dụng và quản lý FDI. Việc thu hút được FDI mới chỉ tạo ra khả năng tác động tích cực của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội. Tác động thật sự của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội chỉ thể hiện rõ nét khi dự án FDI đi vào hoạt động, do đó công tác quản lý điều tiết các dự án FDI sau khi được cấp phép có ý nghĩa quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt các vấn đề liên quan đến môi trường.

5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI vào Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững

5.2.1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính

Các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan, ban ngành có liên quan tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện tốt mô hình “*một cửa*” tại các sở, ban, ngành. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Thực hiện đăng tải, cập nhật thường xuyên các thủ tục hành chính, cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh trên các kênh truyền thông của tỉnh. Các cơ quan cấp giấy phép đầu tư của tỉnh phải thường xuyên rà soát, phân loại các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được cấp giấy phép đầu tư trên địa bàn tỉnh để có những biện pháp thích hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thực tế ở nước ta cho thấy địa phương nào có cơ chế quản lý Nhà nước linh hoạt, áp dụng các quy chế một cách “*mềm dẻo*” theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho hoạt động của doanh nghiệp địa phương thì khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài tốt hơn. Đối với các doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi thẩm quyền của mình cần động viên, khen thưởng kịp thời để khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động tốt, tiếp tục phát triển, đồng thời có biện pháp thích hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến thủ tục nhập máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ dự án đầu vào, thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra, các nghĩa vụ thuế... Đối với các dự án đang triển khai thực hiện, UBND tỉnh tích cực hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, nhất là trong khâu đền bù, giải phóng mặt bằng để nhanh chóng hoàn thành xây dựng cơ bản, đưa doanh nghiệp đi vào sản xuất kinh doanh. Đối với

các dự án chưa triển khai, nhưng vẫn có khả năng thực hiện cần thúc đẩy việc triển khai trong một khoảng thời gian nhất định và giải quyết các vướng mắc, kể cả việc điều chỉnh mục tiêu và quy mô hoạt động của dự án. Bên cạnh đó, cần kiên quyết thu hồi giấy phép đầu tư, đối với các dự án chưa triển khai và không có triển vọng thực hiện để nhường chỗ cho các nhà đầu tư khác.

5.2.2. Đẩy mạnh thu hút FDI theo định hướng sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường

Dòng FDI chất lượng cao không chỉ có quy mô vốn và hàm lượng công nghệ cao, mang lại hiệu ứng lan tỏa công nghệ, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao của sản phẩm, mà còn cho phép định vị chuỗi cung ứng giá trị và vị thế mới cho nước tiếp nhận đầu tư trong mạng sản xuất, công nghệ, cũng như cơ hội đầu tư tài chính, du lịch, bất động sản và dịch vụ toàn cầu... Hiện nay, thu hút FDI công nghệ cao đang trở thành xu hướng để thúc đẩy, tạo những điều kiện thuận lợi hướng tới phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Tăng cường thu hút dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao đang là chiến lược mà nhiều địa phương bám sát. Tiến tới giảm dần các dự án có quy mô vốn đầu tư thấp, công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều lao động... Bắc Ninh xác định tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng bộ, toàn dân, các cấp chính quyền, doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp, cách làm hướng tới phát triển hài hòa, bền vững, bao trùm; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, mục tiêu của sự phát triển; tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trên quan điểm không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Vì vậy, Bắc Ninh cần tiếp tục lựa chọn các dòng vốn đầu tư, lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI theo định hướng sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai. Tỉnh cần ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, hàm lượng công nghệ cao, có sự liên kết với các

doanh nghiệp trong nước, tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ dần thay thế nhập khẩu linh phụ kiện, thiết bị từ nước ngoài để lắp ráp, tạo giá trị gia tăng cao trong sản phẩm. Tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, điện, nước, xử lý rác nước thải và rác thải; chú trọng các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, cung cấp phần mềm và giải pháp, nghiên cứu và phát triển (R&D).

5.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nhân tố con người luôn đóng vai trò quyết định, là nhân tố trọng tâm trong quá trình phát triển. Lao động chất lượng cao luôn là điều kiện tiên quyết để thu hút các nguồn vốn đầu tư vào những ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao. Vì vậy, chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao là một trong những nguyên tắc then chốt đối với sự phát triển bền vững. Để phát huy tác dụng tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực của FDI tới phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong những thời gian tới, tỉnh Bắc Ninh cần chú trọng thu hút các dự án FDI công nghệ hiện đại, công nghệ cao, công nghệ sạch, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, công nghệ xanh, sạch, thân thiện với môi trường, do đó cần có nguồn nhân lực phù hợp đáp ứng được những yêu cầu trong thu hút đầu tư. Các cấp chính quyền địa phương cần rà soát, thực hiện cơ cấu lại hệ thống các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc gắn quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo với nhu cầu của các DN. Chú trọng đào tạo một số ngành công nghiệp như: Cơ khí, điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng mới, du lịch, khách sạn, thương mại... Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trình độ quản lý, kỹ thuật và tay nghề cao. Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện đề án nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng đào tạo chuyên môn, tay nghề kết hợp với đào tạo phẩm chất, con người (đạo đức, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật,...). Khuyến khích các doanh

ng nghiệp FDI đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Khuyến khích sự liên kết, phối hợp giữa doanh nghiệp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề để tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu.

Phân tích thực trạng nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và cho thu hút, sử dụng FDI nói riêng trên địa bàn tỉnh cho thấy, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt mức khá cao. Tuy nhiên, cho đến nay chất lượng nguồn nhân lực đã qua đào tạo chưa cao, do việc dạy nghề trên địa bàn tỉnh chủ yếu thực hiện theo hình thức ngắn hạn. Việc đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề chủ yếu do các trường dạy nghề của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện, song việc liên thông đào tạo giữa các cơ sở dạy nghề với nhau và với cơ sở tuyển dụng lao động, trong đó có các doanh nghiệp FDI trên địa bàn còn hạn chế, từ đó việc nâng cao tay nghề cho người lao động còn gặp nhiều khó khăn. Cơ cấu nghề đào tạo chưa khớp với nhu cầu sử dụng, hoạt động dạy nghề chưa thực sự đáp ứng nhu cầu về lao động kỹ thuật thực hành có trình độ bậc cao của các doanh nghiệp FDI. Vì vậy, để có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của FDI trên địa bàn tỉnh thời gian tới rất cần đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực cả về quy mô, chất lượng và cơ cấu. Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh đề xuất phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo. Phát triển 02 khu nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ tập trung tại huyện Gia Bình để đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận. Đầu tư xây dựng, chuyển đổi trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh thành trường Cao đẳng đa ngành để thực hiện đào tạo nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

5.2.4. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư

Đồng thời, xây dựng chiến lược thu hút đầu tư theo từng nhóm dự án để

có kế hoạch kêu gọi đầu tư theo địa chỉ (theo địa bàn, theo lĩnh vực ưu tiên...). Đẩy mạnh công tác tư vấn đầu tư, thông qua hoạt động kết hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ban, ngành chức năng tổ chức hội nghị triển khai Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư chung cho các nhà đầu tư, DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, đồng thời xem xét các khó khăn vướng mắc của nhà đầu tư để có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ. Tổ chức Hội thảo cấp tỉnh về tăng cường thu hút đầu tư với các vấn đề về cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hoá thủ tục đầu tư, rút ngắn quy trình cấp phép đầu tư.

5.2.5. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ sau cấp phép đầu tư

Đối với các dự án đầu tư đã được cấp phép vào những lĩnh vực đang được khuyến khích như: công nghiệp phụ trợ công nghiệp điện tử, công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao...nhưng thời điểm cấp giấy chứng nhận đầu tư chưa có quy định về cơ chế ưu đãi chung hoặc quy định được xem xét cơ chế ưu đãi đặc thù, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý các KCN cần chủ động phối hợp với doanh nghiệp để tiến hành thủ tục điều chỉnh bổ sung ưu đãi cho dự án. Đối với các dự án thuộc diện được xem xét cơ chế ưu đãi đặc thù, cần nghiên cứu lựa chọn những dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ hiện đại, công nghệ “xanh”, thân thiện với môi trường, sử dụng ít diện tích đất cần đẩy mạnh phối hợp với nhà đầu tư nghiên cứu đề xuất cơ chế ưu đãi đặc thù để kéo dài và giữ chân các nhà đầu tư có tiềm năng.

Sau khi cấp phép đầu tư cho các dự án, các cơ quan cấp giấy phép đầu tư cần rà soát, phân loại các dự án FDI đã được cấp giấy phép đầu tư để có những biện pháp thích hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp FDI. Chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chỉ số năng

lực cạnh tranh cấp tỉnh góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, tạo hành lang thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh nhằm nâng cao giá trị, vị thế của tỉnh đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp đã hoạt động, tăng tỷ lệ lấp đầy; ưu tiên phát triển trước các khu công nghiệp Quế Võ, Quế Võ 2, Yên Phong, Yên Phong 1... mở rộng địa bàn và hình thức thu hút đầu tư nước ngoài vào những thị trường giàu tiềm năng và các công ty đa quốc gia, xác định thị trường trọng điểm... Đồng thời, cần kiên quyết hạn chế cấp giấy phép cho những dự án có quy mô sử dụng đất lớn, giá trị gia tăng thấp; kiên quyết không xúc tiến và thu hút những dự án sử dụng quá nhiều năng lượng, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

5.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài tại các Khu công nghiệp

Các cấp chính quyền địa phương có kế hoạch thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhằm phát hiện những khó khăn, những yêu cầu chính đáng của doanh nghiệp để có những biện pháp giải quyết, hỗ trợ thích đáng và kịp thời. Đẩy mạnh phát triển thành phần kinh tế tư nhân, khuyến khích thành lập các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề để các doanh nghiệp cùng liên kết, hỗ trợ nhau phát triển.

Thường xuyên giám sát tình hình chấp hành luật lao động của các chủ doanh nghiệp, nhất là các chế độ về lao động, tiền công, ký kết thỏa ước lao động tập thể... nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động và chủ doanh nghiệp. Theo sát diễn biến và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, các vụ việc vi phạm luật lao động gây ảnh hưởng đến dư luận xã hội và môi trường đầu tư. Việc giải quyết mối quan hệ chủ thợ ở khu vực hợp tác đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau là yếu tố quan trọng đảm

bảo cho sự tồn tại và phát triển sản xuất.

5.2.7. *Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường*

Vấn nạn ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở nên báo động đối với Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Trong quá trình thu hút FDI, Bắc Ninh cũng đang gặp phải các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường. Trước tình trạng, một số khu vực tại tỉnh có dấu hiệu ô nhiễm môi trường, tỉnh Bắc Ninh đã yêu cầu các cơ quan chức năng tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Bên cạnh đó, cần triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý đối với các dự án khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án bồi thường còn dang dở, đồng thời tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực Phong Khê và Văn Môn. Kiên quyết chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở sản xuất giấy trong khu dân cư tại phường Phong Khê trước ngày 31/12/2024.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã quán triệt chủ trương xuyên suốt, đó là: *“Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững”*; *“Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”*; *“Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường”*.⁶ Vì vậy, các cấp chính quyền tại Bắc Ninh cần ưu tiên giám sát đặc biệt đến vấn đề bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI trong địa bàn tỉnh. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm

⁶ *Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020*

Luật Bảo vệ môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới cảnh quan và hệ sinh thái phải kiên quyết có biện pháp xử lý nghiêm minh, kể cả chấm dứt cấp giấy phép hoạt động với các dự án chưa gắn hoạt động sản xuất với bảo vệ môi trường. Từ đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm xã hội của người sản xuất đối với vấn đề bảo vệ môi trường, không gây tổn hại đến sức khỏe, môi trường sống của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế. Tỉnh Bắc Ninh phấn đấu từ năm 2025:

Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%.

100% các khu - cụm công nghiệp và đô thị mới thành lập có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 90% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

Không còn điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện năm 2024 và đã đạt được một số kết quả như sau:

Đã tổng hợp, phân tích và đánh giá các công trình khoa học, các bài báo, các nghiên cứu có nội dung liên quan đến dòng vốn FDI tại một số địa phương của Việt Nam.

Đã phân tích làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bắc Ninh giai đoạn 2015 – 2023

Đã đề xuất một số giải pháp nâng cao thu hút FDI ở Bắc Ninh hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

Kiến nghị

Nhà trường, Khoa tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần có các chính sách khuyến khích, động viên đối với giảng viên tích cực nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường.

Kết quả nghiên cứu có thể làm tài liệu tham khảo cho giảng viên giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đồng thời, là tài liệu tham khảo, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán ở các trường Đại học, cao đẳng. Đề tài cung cấp thêm thông tin về lý luận và thực tiễn cho các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách về thu hút nguồn vốn FDI trong bối cảnh hiện nay hướng tới phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu Tiếng Anh

1. Nguyen, Anh Ngoc and Nguyen, Thang, “Foreign Direct Investmet in Vietnam, An Overview and Analysis the Determinants of Spatial Distribution Across Provinces” (July 10, 2007). Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=999550> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.999550>.
2. Malesky, Edmund J., “Provincial Governance and Foreign Direct Investment in Vietnam (August 31, 2010). 20 YEARS OF FOREIGN INVESTMENT: REVIEWING AND LOOKING FORWARD (1987-2007)”, Knowledge Publishing House, 2007, Available at SSRN: <http://ssrn.com/abstract=1669742>.
3. Sauvant, Karl P. and Gabor, Evan, “Facilitating sustainable FDI for sustainable development in a WTO Investment Facilitation Framework: four concrete proposals”. Journal of World Trade, vol. 55 (2021), pp. 261-286., Available at SSRN: <http://ssrn.com/abstract=3496967> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3496967>.

B. Tài liệu Tiếng Việt

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). Tờ trình phê duyệt Đề án “*Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030*”, ngày 31/8/2020
3. Đỗ Đức Bình (2005), *Đầu tư của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Hương (Đồng chủ biên) (2014), *Thu hút FDI để phát triển kinh tế các tỉnh miền núi trung du phía*

- Bắc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. *C. Mác – Ph. Ăngghen Toàn tập* (1995), tập 23, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật.
 6. Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020
 7. Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài 6 tháng năm 2024*
 8. Nguyễn Việt Cường (2016), *Thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
 9. Nguyễn Thế Đồng (2015), *Bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững*. Tạp chí Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 10. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 11. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 12. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 13. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 14. Nguyễn Hòa (2023), *Kinh nghiệm thu hút FDI tại Bắc Ninh: “Cải thiện môi trường đầu tư không có điểm dừng”*, <https://congthuong.vn/kinh-nghiemthu-hut-fdi-tai-bac-ninh-cai-thien-moi-truong-dau-tu-khong-co-diem-dung-252704.html>;
 15. Hà Văn Hội - Vũ Thanh Hương, (2022) *“FDI toàn cầu và định hướng thu hút FDI của Việt Nam trong bối cảnh mới”*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 16. Hội đồng biên soạn Báo cáo thường niên Đầu tư nước ngoài tại Việt

- Nam (2021), “*Báo cáo đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 2021*”, Nxb Khoa học kỹ thuật.
17. Trần Quang Lâm, An Như Hải (Đồng chủ biên) (2006), *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 18. *Lênin Toàn tập* (2005), tập 27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật.
 19. Nguyễn Tiên Long (2011), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
 20. Luật đầu tư, số 61/2020/QH14, ban hành ngày 17/6/2020
 21. Đặng Hoàng Thanh Nga (2011), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia của Hoa Kỳ ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 22. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2015-2019), *Báo cáo chỉ số PCI từ năm 2015-2019*.
 23. Phùng Xuân Nhạ (2013), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 24. Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2022
 25. Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2023
 26. Thủ tướng chính phủ, *Quyết định số 1589/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*
 27. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (2020-2022), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài từ năm 2020 đến 2022*
 28. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (2020), *Bắc Ninh – Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế khu vực FDI*

29. Đào Văn Thanh (2013), *Tác động tràn của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới các doanh nghiệp thuộc ngành dệt may Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Đại học Kinh tế quốc dân.
30. Phan Hữu Thắng (2018), “*FDI - Đồng tiền hai mặt*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Phan Hữu Thắng (2021), “*FDI - Nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới*”, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
32. Võ Thanh Thu, Ngô Thị Ngọc Huyền (2011), *Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
33. Nguyễn Trọng Tuấn (2002), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Anh Tuấn (2022), “*Bắc Ninh: Kim ngạch xuất khẩu năm 2022 ước đạt 42,5 tỷ USD*”, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/bac-ninh-kim-ngach-xuat-khau-nam-2022-uoc-dat-42-5-ty-usd-629008.html>
35. UBND tỉnh Bắc Ninh, *Quyết định số 423/QĐ-UBND phê duyệt danh mục dự án thu hút đầu tư tỉnh Bắc Ninh năm 2024*
36. VCCI (2019-2022). Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI các năm, từ 2019 đến 2022
37. Bùi Thuý Vân (2011), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với việc chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu ở vùng đồng bằng Bắc bộ*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
38. Nguyễn Tấn Vinh (2012), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.